

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

## ĐỀ ÁN MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO

TÊN NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON  
MÃ NGÀNH: 7140201  
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC  
TÊN CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN: ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

HẢI DƯƠNG - 2023

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

## ĐỀ ÁN MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO

<b>TÊN NGÀNH:</b>	<b>GIÁO DỤC MẦM NON</b>
<b>MÃ NGÀNH:</b>	<b>7140201</b>
<b>TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:</b>	<b>ĐẠI HỌC</b>
<b>TÊN CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN:</b>	<b>ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG</b>

## MỤC LỤC

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO .....	1
Phần 1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO.....	1
1. Giới thiệu về Trường Đại học Hải Dương .....	1
2. Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên .....	2
3. Các ngành đào tạo.....	2
4. Tổ chức dạy và học.....	3
5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo .....	3
6. Kiểm định chất lượng .....	3
7. Về cơ sở vật chất .....	3
8. Giới thiệu về khoa Giáo dục mầm non.....	4
Phần 2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO .....	6
1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo .....	6
2. Khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành của cơ sở đào tạo.....	8
Phần 3. ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO .....	10
1. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	12
1.1. Mục tiêu chung .....	12
1.2. Mục tiêu cụ thể (POs).....	12
2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	13
2.1. Chuẩn đầu ra .....	13
2.2. Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp.....	14
2.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp.....	15
3. CHUẨN ĐẦU VÀO CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	15
4. KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP .....	15
5. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	15
5.1. Cấu trúc Chương trình đào tạo .....	15
5.2. Nội dung Chương trình đào tạo .....	16
Phần 4. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO .....	28
Phần 5. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....	31
Phần 6. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO .....	33
Phần 7. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ RỦI RO .....	35
Phần 8. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN .....	36



## **ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

**Tên ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non**

**Mã ngành : 7140201**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Hải Dương**

### **Phần 1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

#### **1. Giới thiệu về Trường Đại học Hải Dương**

Trường Đại học Hải Dương là Trường công lập trực thuộc UBND tỉnh Hải Dương, được thành lập theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26 tháng 07 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp từ Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương và được đổi tên theo Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong quá trình xây dựng, phát triển, Trường Đại học Hải Dương đã đóng góp một nguồn nhân lực to lớn cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước, đặc biệt là cho khu vực Đồng bằng Sông Hồng. Trường đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước cho những đóng góp to lớn trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao (Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba). Nhiều đơn vị và cá nhân trực thuộc Trường đã được Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội ghi nhận và tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý.

Trong thời gian qua, với chất lượng đào tạo đáp ứng được nhu cầu thực tế, số sinh viên của Trường có việc làm đúng ngành đào tạo ngay năm đầu sau tốt nghiệp luôn đạt tỉ lệ cao: từ 78,7 đến 83%; tỉ lệ sinh viên làm việc trái ngành đào tạo chiếm khoảng 4,9 đến 10,8% mỗi năm.

Trường Cao đẳng Hải Dương được sáp nhập vào Trường Đại học Hải Dương theo Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương. Trường Cao đẳng Hải Dương, tiền thân là Trường Cao đẳng Sư phạm Hải Dương, có truyền thống xây dựng và phát triển 63 năm, là cơ sở đào tạo giáo viên uy tín trong tỉnh và trên toàn quốc. Nhà trường có thế mạnh, uy tín về đào tạo các mã ngành sư phạm bậc cao đẳng, có đủ điều kiện về đội ngũ để đào tạo các mã ngành sư phạm trình độ đại học. Thực hiện Nghị quyết 29 của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Trường Cao đẳng Hải Dương là trường duy nhất trong khối các trường Cao đẳng trong toàn quốc tổ chức

thành công Hội thảo về nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục mầm non, phổ thông với sự tham gia của hơn 30 trường sư phạm trong đó các trường Đại học sư phạm lớn như Đại học sư phạm Hà Nội, Đại học sư phạm Thái Nguyên... vào năm 2014. Mặt khác, nhà trường hiện nay có hệ thống các trường thực hành sư phạm từ mầm non đến phổ thông đảm bảo cho việc thực hành, thực tập, rèn nghề của sinh viên sư phạm.

Sau khi Trường Cao đẳng Hải Dương sáp nhập vào Trường Đại học Hải Dương, bộ máy tổ chức, cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ giảng viên cơ hữu của nhà trường hoàn toàn đáp ứng được việc đào tạo giáo viên trình độ đại học ở các ngành, trong đó có ngành Giáo dục Mầm non.

## **2. Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên**

Nhà trường có hơn 400 cán bộ, giảng viên, nhân viên, người lao động, trong đó có 33 Tiến sĩ về khoa học giáo dục. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Nhà trường đang phát triển nhanh và bền vững, có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm tốt. Ngoài ra Nhà trường có mời một số giảng viên thỉnh giảng có trình độ GS, PGS, tiến sĩ có nhiều kinh nghiệm giảng dạy và thực tiễn từ các cơ sở đào tạo đại học và các cơ quan, doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Nhà trường được tỉnh cho phép và đang tích cực mời các nhà khoa học cùng các chuyên gia ở trong và ngoài nước; đặc biệt là những người đang sinh sống ở tỉnh Hải Dương và Hà Nội tham gia giảng dạy, hợp tác nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo trình, học liệu phù hợp với thực tiễn của Hải Dương và các tỉnh, thành phố lân cận.

## **3. Các ngành đào tạo**

Giai đoạn từ 2019 đến nay, Trường Đại học Hải Dương tập trung tổ chức tuyển sinh, đào tạo trình độ thạc sĩ, đại học, ... cụ thể:

\* Trình độ Thạc sĩ, gồm 02 ngành:

1. Kế toán
2. Quản lý kinh tế

\* Trình độ đại học, gồm 12 ngành:

1. Kế toán
2. Quản trị kinh doanh
3. Tài chính - Ngân hàng
4. Quản trị văn phòng
5. Chăn nuôi
6. Công nghệ thông tin
7. Kỹ thuật điện
8. Phát triển nông thôn
9. Chính trị học
10. Kinh tế

11. Ngôn ngữ Anh

12. Quản trị dịch vụ Du lịch & Lữ hành

#### **4. Tổ chức dạy và học**

Đào tạo theo học chế tín chỉ:

- Nhà trường đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ đối với trình độ đại học từ năm học 2011 - 2012;

- Học viên, Sinh viên, giảng viên và cán bộ quản lý đã thích ứng với việc giảng dạy và học tập theo học chế tín chỉ;

Đổi mới cách dạy và học:

- Nhà trường tập trung nâng cao chất lượng các học phần kiến thức ngoại ngữ tin học và các kỹ năng bổ trợ, cập nhật kiến thức cho các học phần hàng năm;

- Xây dựng và triển khai Ngân hàng đề thi, đẩy mạnh chống gian lận trong thi, đánh giá kết quả học tập.

#### **5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo**

Trường đã ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin trong việc quản lý các hoạt động, các dữ liệu được số hóa. Nhà trường hợp đồng với VNPT Hải Dương đặt mạng Internet cáp quang với tốc độ đường truyền 200Mbps. Xây dựng, triển khai, duy trì hệ thống mạng LAN và wifi phủ kín toàn trường. Nhà trường đã trang bị hệ thống máy chủ để cài đặt phần mềm đào tạo, các phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng. Sử dụng Google Meet và Microsoft Team trong công tác đào tạo trực tuyến. Sử dụng hệ thống email đồng bộ, giúp cho việc ban hành văn bản nhanh, kịp thời.

#### **6. Kiểm định chất lượng**

Năm học 2020 - 2021, Trường đã hoàn thành tự đánh giá cơ sở giáo dục, Báo cáo Tự đánh giá đã được Cục Quản lý chất lượng (Bộ Giáo dục và Đào tạo) chấp thuận và đồng ý triển khai các bước đánh giá ngoài (T6 - 2020). Trường đã đăng ký kiểm định chất lượng, ký hợp đồng với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C) để thực hiện đánh giá ngoài. CEA-AVU&C đã thực hiện khảo sát sơ bộ (15/11/2020), khảo sát chính thức (19 - 24/11/2020) để phục vụ đánh giá ngoài. Kết quả: Trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (Giấy chứng nhận số CSGD2021.04/CEA-AVU&C cấp ngày 26/5/2021).

#### **7. Về cơ sở vật chất**

Cơ sở vật chất: Hiện tại Trường Đại học Hải Dương có 04 cơ sở đào tạo:

- Trụ sở chính (cơ sở 1): Khu đô thị phía Nam, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*Trụ sở chính Trường Đại học Hải Dương hiện nay*). Tổng diện tích đất được giao 294.903,2 m<sup>2</sup> (bao gồm cả khu KTX sinh viên).

- Cơ sở 2: Số 42, đường Nguyễn Thị Duệ (20.108 m<sup>2</sup>) và số 250 đường Nguyễn Lương Bằng (4962,4 m<sup>2</sup>), phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*Trụ sở chính Trường Cao đẳng Hải Dương hiện nay*).

- Cơ sở 3: Khu 8, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (19.813 m<sup>2</sup>), hiện đang do Trường Đại học Hải Dương quản lý, sử dụng.

- Cơ sở 4: Khu Tiền Trung, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (15.523,4 m<sup>2</sup>), hiện đang do Trường Cao đẳng Hải Dương quản lý, sử dụng.

Theo Đề án sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương đã được của UBND tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, mức đầu tư cơ sở vật chất giai đoạn 1 (2023 – 2025) ước tính từ 200 – 250 tỷ đồng để xây dựng phòng học, giảng đường, nhà làm việc ... khang trang, hiện đại.

### **8. Giới thiệu về khoa Giáo dục mầm non**

Khoa Giáo dục Mầm non – đơn vị trực tiếp đảm nhận nhận vụ đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học, có tiền khoa Giáo dục Mầm non của Trường Cao đẳng Hải Dương được thành lập năm 1994 theo quyết định của UBND tỉnh Hải Hưng với nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên Mầm non trình độ cao đẳng trên địa bàn tỉnh Hải Hưng (gồm tỉnh Hải Dương và tỉnh Hưng Yên hiện nay). Trải qua gần 30 năm, Khoa Giáo dục Mầm non đã phát triển và lớn mạnh không ngừng và đã trở thành một khoa đào tạo có số lượng sinh viên quy mô lớn, chất lượng đào tạo ngày càng nâng cao. Khóa đầu 1994 – 1997 đào tạo 100 sinh viên tốt nghiệp.

Giai đoạn 2007 – 2015 mỗi khóa có từ 2000 – 2500 sinh viên tốt nghiệp ra trường. Đến nay khoa đã đào tạo khoảng 18.000 giáo viên Mầm non trên cả nước, nâng chuẩn cho khoảng 1500 giáo viên Mầm non đạt trình độ cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

Trên chặng đường phát triển, các giảng viên trong khoa luôn chủ động, tích cực tự học, tự bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học để nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghề nghiệp. So với các khoa khác trong nhà trường, khoa Giáo dục Mầm non có số lượng giảng viên học nghiên cứu sinh khá nhiều. Đến nay, 03 đồng chí đi học nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án và đạt học vị Tiến sĩ. Ngoài ra, nhiều giảng viên có chuyên ngành phù hợp, trình độ Tiến sĩ ở các khoa khác cũng tham gia giảng dạy ngành Giáo dục Mầm non như: giảng viên bộ môn Giáo dục chính trị, Tâm lý, Thể dục, Toán, Ngữ văn, Sinh học....

Như vậy, bằng quá trình nỗ lực, sự tâm huyết và sáng tạo của các thầy cô, từ khi thành lập cho đến nay, khoa Giáo dục Mầm non đã thực hiện xuất sắc sứ mệnh của mình là đào tạo nhiều thế hệ giáo viên mầm non với chất lượng cao. Nhiều sinh viên của khoa trưởng thành, sau một số năm trải nghiệm nghề nghiệp đã đảm nhiệm cương vị hiệu trưởng ở các trường mầm non hoặc tiếp tục học lên, công tác ở các sở, phòng, vụ,... Với những thành tích này, khoa nhiều lần được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương tặng Bằng khen.



Sau khi Trường Cao đẳng Hải Dương sáp nhập vào Trường Đại học Hải Dương, khoa Giáo dục Mầm non của Trường Cao đẳng Hải Dương kết hợp với 1 bộ phận của khoa Khoa học cơ bản Trường Đại học Hải Dương tổ chức thành khoa Giáo dục Mầm non. Với bề dày, thương hiệu trong quản lý, đào tạo giáo viên Mầm non trình độ cao đẳng, khoa Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Hải Dương hoàn toàn có thể làm tốt chức năng quản lý, đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học.

## **Phần 2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

### **1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo**

#### ***1.1. Sự phù hợp với nhu cầu đào tạo, nhu cầu nhân lực***

- Trong những năm qua, mặc dù Đảng, Nhà nước ta đã rất quan tâm, đầu tư cho giáo dục và đào tạo, tuy nhiên, nhìn chung số lượng giáo viên còn thiếu ở các cấp học, bậc học, trong đó đặc biệt là thiếu giáo viên mầm non. Báo cáo tại phiên giải trình do Ủy ban Văn hóa, Giáo dục tổ chức sáng 25/2/2022 về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật đối với giáo viên mầm non, phổ thông”, Bộ Giáo dục và Đào tạo cho biết, căn cứ quy định về định mức số giáo viên/lớp, số lượng giáo viên của các cấp học mầm non thiếu 48.718 giáo viên. Nhiều địa phương do thiếu số lượng lớn giáo viên mầm non, tỷ lệ giáo viên/lớp chỉ đạt 1,5 - 1,8 giáo viên/lớp, trong khi đó theo quy định của Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV thì định mức biên chế giáo viên mầm non dạy 2 buổi trong ngày là 2,2. Sự thiếu giáo viên mầm non không tránh khỏi ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc, nuôi dạy trẻ.

Trước tình hình thiếu giáo viên, ngày 02 tháng 8 năm 2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 3585/BGDĐT-NGCBQLGD gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc triển khai tuyển dụng biên chế giáo viên mầm non, phổ thông theo Quyết định số 72-QĐ/TW của Bộ Chính trị ngày 18 tháng 7 năm 2022. Cụ thể là Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo khẩn trương triển khai tổ chức tuyển dụng 27.850 biên chế giáo viên mầm non và phổ thông bổ sung cho các tỉnh, thành phố năm học 2022 - 2023. Mặt khác, trong định hướng chiến lược đào tạo giáo viên, từ năm 2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao chỉ tiêu đào tạo sư phạm theo nhu cầu của các địa phương. Năm 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao 69.630 chỉ tiêu cho 102 trường đào tạo giáo viên trên cả nước, nếu so với năm 2019 thì chỉ tiêu năm 2020 tăng tương đương 64% (năm 2019 là 44.076 chỉ tiêu). Việc giao tăng chỉ tiêu này nhằm đảm bảo lộ trình thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới.

Do đó, đào tạo giáo viên nói chung, giáo viên mầm non trình độ đại học nói riêng trong những cơ sở giáo dục đại học có đủ điều kiện bảo đảm chất lượng là việc làm phù hợp để giải quyết bài toán thực tế và thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của Đảng và Nhà nước.

- Hải Dương, xét về vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên, nằm ở vị trí trung tâm Đồng bằng sông Hồng, thuộc tam giác kinh tế trọng điểm phía Bắc (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh), tiếp giáp với các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh, Thái Bình, Hưng Yên và thành phố cảng Hải Phòng; có tiềm năng lớn về sản xuất vật liệu xây dựng, như đá vôi, đất sét, cao lanh, quặng bô-xít,... Ở khía cạnh hệ thống giao thông và cơ sở hạ tầng, Hải Dương có các tuyến đường bộ (quốc lộ 5A, 188, 18,...), đường sắt (tuyến Hà Nội - Hải Phòng đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa qua bảy trạm trên dọc tuyến

đường), đường thủy (tuyến đường thủy dài 400 km rất thuận tiện cho việc vận chuyển của các loại tàu bè có trọng tải khoảng 500 tấn); gần hai sân bay - sân bay quốc tế Nội Bài Hà Nội và sân bay Cát Bi Hải Phòng. Hải Dương cũng nổi bật ở phương diện văn hóa tâm linh với 1.098 khu di tích lịch sử, trong đó có 133 di tích quốc gia và nhiều khu di tích được xếp hạng đặc biệt quốc gia như Côn Sơn, Kiếp Bạc... Như vậy, Hải Dương là tỉnh hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... Đầu tư giáo dục và đào tạo nhằm ổn định và phát triển các yếu tố nói trên cho vùng đất là phen giậu phía đông của kinh thành Thăng Long xưa, thủ đô Hà Nội nay.

Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 cho biết dân số Hải Dương là 1,89 triệu người, mật độ dân số 1137 người/km<sup>2</sup> - đứng thứ ba ở Đồng bằng sông Hồng (sau Hà Nội và Hải Phòng), đứng thứ chín trong cả nước. Với một tỉnh đông dân, mật độ dân số cao như Hải Dương thì vấn đề giáo dục đào tạo luôn luôn được các cấp chính quyền đặc biệt quan tâm.

Theo thống kê, năm học 2022 - 2023, Hải Dương có 26.815 giáo viên, cán bộ quản lý khối công lập, gồm 22.559 người trong diện biên chế, còn lại là hợp đồng. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019 của khối THPT đạt 100%, THCS đạt 93,5%, Tiểu học đạt 95,7%, Mầm non đạt 97%. So với nhu cầu giáo viên để thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới, năm học 2023 - 2024, toàn tỉnh Hải Dương thiếu 3.614 giáo viên các cấp, trong đó mầm non thiếu 1.165 giáo viên.

Như vậy, ngoài việc bổ sung cho những nơi hiện đang thiếu giáo viên mầm non, bổ sung cho những giáo viên mầm non hiện nay sẽ hết tuổi công tác thì việc cung cấp nguồn giáo viên mầm non có trình độ để đáp ứng cho quy mô dân số tăng lên trong những năm tới là rất quan trọng. Do đó, khi khảo sát nhu cầu người học và nhà tuyển dụng tại các trường mầm non, 100% ý kiến cho rằng cần thiết có cơ sở đào tạo giáo viên mầm non, trình độ đại học trên địa bàn tỉnh để kịp thời bổ sung số giáo viên còn thiếu của các trường mầm non, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021 - 2030.

Trong thời gian tới, tỉnh Hải Dương tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương, chỉ đạo của ngành, Thủ tướng Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó có chương trình giáo dục mầm non. Chính vì vậy, Trường Đại học Hải Dương nhận thấy việc mở ngành Giáo dục Mầm non, trình độ đại học là xu hướng tất yếu, phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Hải Dương cũng như của khu vực đồng bằng sông Hồng và cả nước.

### ***1.2. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo***

Mục tiêu phát triển Trường Đại học Hải Dương sau sáp nhập thành trường đại học trọng điểm của tỉnh Hải Dương và khu vực Đồng bằng sông Hồng là một trong những mục tiêu quan trọng của giáo dục Hải Dương.

Việc đào tạo giáo viên mầm non trình độ đại học cho phép tận dụng tối đa nguồn nhân lực chất lượng cao của trường Đại học Hải Dương, đặc biệt là đội ngũ giảng viên sư phạm. Bên cạnh việc đào tạo theo xu thế mới của giáo dục như dạy học tích hợp các ngành xã hội, tự nhiên, nhà trường cũng rất quan tâm đến những ngành truyền thống, vốn là thế mạnh của trường như Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non... Đây là cơ sở quan trọng để Trường Đại học Hải Dương khẳng định và nâng cao vị thế của trường trong lĩnh vực đào tạo và phát triển nguồn giáo viên chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành nghề, xã hội, góp phần đưa trường Đại học Hải Dương trở thành đại học trọng điểm định hướng ứng dụng đa ngành, trong đó có một số ngành mũi nhọn, tạo điều kiện hội nhập sâu rộng vào cộng đồng giáo dục đại học trong nước, quốc tế, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng.

Từ những lý do nêu trên, Trường Đại học Hải Dương xét thấy việc mở ngành đào tạo Giáo dục Mầm non, trình độ đại học là hoàn toàn cần thiết.

## **2. Khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành của cơ sở đào tạo**

Thực hiện Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương đã chỉ đạo, tổ chức việc xây dựng và đề xuất chủ trương về việc mở ngành đào tạo, cụ thể như sau:

Nhà trường đã cho khảo sát, phân tích về nhu cầu về nguồn nhân lực giáo viên mầm non ở hiện tại và tương lai của tỉnh Hải Dương và các tỉnh khác trong khu vực, trên toàn quốc để làm rõ sự cần thiết của việc mở ngành đào tạo.

Hội đồng khoa học và đào tạo của nhà trường đã tổ chức thẩm định và có kết luận về đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo đã được xây dựng bảo đảm đầy đủ nội dung và chất lượng theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Trên cơ sở phê duyệt của Hội đồng Trường Đại học Hải Dương về chủ trương mở ngành đào tạo, nhà trường đã chỉ đạo xây dựng đề án mở ngành đào tạo Giáo dục Mầm non, trình độ đại học: Xây dựng chương trình đào tạo, thẩm định chương trình đào tạo, kiểm tra các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo của ngành.

Hội đồng Khoa học – Đào tạo Trường Đại học Hải Dương đã tổ chức thẩm định Đề án mở ngành đào tạo Giáo dục Mầm non, trình độ đại học, trong đó đã xem xét, đánh giá kỹ điều kiện thực tế của Trường Đại học Hải Dương về mở ngành: tên ngành đào tạo, chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy - học trực tuyến và công tác tổ chức quản lý đối với ngành đào tạo đề xuất mở. Kết quả

thẩm định của Hội đồng khoa học và đào tạo cho thấy Trường Đại học Hải Dương có đủ điều kiện để được mở ngành đào tạo theo quy định.

Trên cơ sở Hội đồng Khoa học – Đào tạo Trường thông qua chương trình đào tạo của ngành Giáo dục Mầm non, trình độ đại học, Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương đã ký quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành **Giáo dục Mầm non trình độ đại học, mã số 7140201**.

### **Phần 3. ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

Việc xây dựng, phát triển chương trình đào tạo luôn là thế mạnh của Trường Đại học Hải Dương. Nội dung chương trình đào tạo của các ngành đào tạo hiện nay của nhà trường thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, tăng cường thực hành nghề nghiệp, đảm bảo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Hải Dương thường xuyên tiếp cận với chương trình đào tạo của các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn và khu vực, gắn với thực tiễn để đào tạo phù hợp với nhu cầu của người học, với sự phát triển kinh tế - xã hội. Các ngành đào tạo đều được xây dựng chuẩn đầu ra, làm thước đo cho việc đào tạo. Các hội thảo đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới phương pháp học tập, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng của xã hội... được thực hiện cả ở cấp khoa và trường. Nội dung, chương trình đào tạo được triển khai theo hướng tăng cường rèn năng lực nghiệp vụ đã giúp sinh viên ra trường làm được việc ngay, đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng.

Hiệu trưởng nhà trường đã chỉ đạo tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non, trình độ đại học đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục đại học, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành. Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non, trình độ đại học của nhà trường cụ thể như sau:

#### **THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên chương trình (Tiếng Việt)	Giáo dục mầm non
Tên chương trình (Tiếng Anh)	Early childhood education
Trình độ đào tạo	Đại học
Mã ngành đào tạo	7140201
Khoa quản lí chương trình	Khoa Giáo dục mầm non
Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Thời gian đào tạo	4 năm
Hình thức đào tạo	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu	125
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo 125 tín chỉ; - Đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân Giáo dục mầm non

<p>Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng dạy Mầm non tại các trường Mầm non;</li> <li>- Khởi nghiệp trong lĩnh vực giáo dục mầm non: mở các nhóm trẻ hoặc các trường mầm non tư thục;</li> <li>- Chuyên viên giáo dục mầm non các cấp (Sở giáo dục, phòng giáo dục);</li> <li>- Chuyên viên ở các vụ, viện, trung tâm nghiên cứu, công ty giáo dục có liên quan đến lĩnh vực giáo dục mầm non;</li> <li>- Giảng viên các khoa đào tạo giáo viên mầm non trong các trường sư phạm (sau khi học bổ sung kiến thức, học lên bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ đáp ứng yêu cầu chuyên môn);</li> <li>- Cán bộ quản lý tại cơ sở giáo dục mầm non công lập, tư thục.</li> </ul>
<p>Khả năng học tập nâng cao trình độ</p>	<p>Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo bậc đại học ngành Giáo dục Mầm non tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học các chuyên ngành Giáo dục Mầm non, quản lý giáo dục ở các cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong nước và nước ngoài.</p>
<p>Chương trình đào tạo tham khảo</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình đào tạo Đại học Giáo dục Mầm non Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội;</li> <li>- Chương trình đào tạo Đại học Giáo dục Mầm non Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội;</li> <li>- Chương trình đào tạo Đại học Giáo dục Mầm non Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;</li> <li>- Chương trình đào tạo Đại học Giáo dục Mầm non Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên - Đại học Thái Nguyên.</li> <li>- Chương trình đào tạo Đại học Giáo dục Mầm non Trường Đại học Hạ Long.</li> </ul>

### **CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
- Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

- Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ GD&ĐT quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên Mầm non;
- Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục Mầm non;
- Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục Mầm non;
- Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ Trường mầm non.
- Quyết định số 362/QĐ-ĐHHD ngày 28/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành Quy chế về đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hải Dương.

## **1. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo giáo viên mầm non trình độ cử nhân Sư phạm có phẩm chất nhà giáo, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo thực hiện có chất lượng Chương trình Giáo dục Mầm non và nghiên cứu khoa học để giảng dạy, làm việc, quản lý trong các lĩnh vực liên quan đến giáo dục mầm non tại các cơ sở giáo dục, nghiên cứu, các công ty giáo dục; gương mẫu, trách nhiệm, bản lĩnh, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, phát triển nghề nghiệp và hội nhập quốc tế; có khả năng khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể (POs)**

PO1: Hiểu biết về khoa học cơ bản để vận dụng linh hoạt, hiệu quả vào thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống.



PO2: Hiểu biết về kiến thức cơ sở ngành (đặc điểm phát triển tâm lý, sinh lý của trẻ em, âm nhạc, tạo hình. ...) để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục Mầm non.

PO3: Hiểu biết về chương trình và phát triển chương trình GDMN; nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non để thực hiện sáng tạo chương trình GDMN đáp ứng nhu cầu xã hội.

PO4: Đánh giá đúng sự phát triển của trẻ (Quan sát, phân tích đặc điểm cá nhân, đặc điểm phát triển về tâm lý, sinh lý, nhân cách trẻ).

PO5: Phân tích, đánh giá, phát triển được chương trình GDMN; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình GDMN phù hợp với từng độ tuổi cũng như thực tế địa phương.

PO6: Tự học, tự nghiên cứu khoa học; phát hiện, giải quyết các vấn đề thực tiễn, vận dụng các kết quả nghiên cứu vào hoạt động nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống.

PO7: Giao tiếp, ứng xử phù hợp với học sinh, phụ huynh và các bên liên quan trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; có kỹ năng tư vấn, hợp tác, hỗ trợ đồng nghiệp, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non.

PO8: Sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin trong lĩnh vực Giáo dục mầm non (tiếng Anh đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam; Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin).

PO9: Có sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp; có ý thức thượng tôn pháp luật, tôn trọng bản thân và người khác; yêu người, yêu nghề; có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội; có ý thức học tập nâng cao trình độ.

## **2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **2.1. Chuẩn đầu ra**

#### **2.1.1. Về kiến thức**

PLO1: Hiểu biết về khoa học cơ bản để vận dụng linh hoạt, hiệu quả vào GDMN và thực tiễn cuộc sống.

PLO2: Hiểu biết về kiến thức cơ sở ngành (đặc điểm phát triển tâm lý, sinh lý của trẻ em, âm nhạc, tạo hình. ...) để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục Mầm non.

PLO3: Hiểu biết về chương trình và phát triển chương trình GDMN; nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non để thực hiện sáng tạo chương trình GDMN đáp ứng nhu cầu xã hội.

#### **2.1.2. Về kỹ năng**

PLO4: Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo quan điểm tích hợp;

PLO5: Cập nhật thực tiễn GDMN và vận dụng vào hoạt động nghề nghiệp, đánh giá sự phát triển của trẻ theo yêu cầu đổi mới GDMN;

PLO6: Thiết kế và sử dụng đồ dùng, đồ chơi, phương tiện dạy học phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp;

PLO7: Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ; phát hiện và kịp thời thực hiện các biện pháp ngăn ngừa nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ.

PLO8: Giao tiếp sư phạm phù hợp với các đối tượng khác nhau; tham vấn và xử lý được các tình huống sư phạm;

PLO9: Ứng dụng được kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin vào công việc giảng dạy, đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

PLO10: Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và trong lĩnh vực chuyên môn, đạt chuẩn năng lực tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

PLO11: Thực hiện được các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.

### **2.1.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm**

PLO12: Có ý thức trách nhiệm công dân, tôn trọng, giữ gìn các giá trị đạo đức nhà giáo; Thực hiện đúng nội quy, quy tắc văn hóa ứng xử, đạo đức nhà giáo, quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; Tuân thủ các quy định của pháp luật, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

PLO13: Yêu nghề, yêu trẻ, tôn trọng trẻ; kiên trì, tận tụy, quản lý cảm xúc bản thân, vượt mọi khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ. Có tác phong làm việc khoa học, đổi mới, cầu thị, ham học, đáp ứng được yêu cầu phát triển của giáo dục mầm non trong xu thế hội nhập.

PLO14. Có năng lực làm việc độc lập, năng lực tự chủ, tự học, năng lực hợp tác làm việc nhóm để giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ của người giáo viên mầm non.

## **2.2. Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp**

- Giáo viên mầm non ở các loại hình trường khác nhau, bao gồm cả trường mầm non sử dụng chương trình quốc tế;

- Khởi nghiệp trong lĩnh vực giáo dục mầm non: mở các nhóm trẻ hoặc các trường mầm non tư thục;

- Giảng viên các khoa đào tạo giáo viên mầm non trong các trường sư phạm (*học bổ sung, học nâng cao trình độ*);

- Chuyên gia khoa học giáo dục mầm non tại các trung tâm nghiên cứu, vụ, viện, công ty giáo dục có liên quan đến lĩnh vực giáo dục mầm non;

- Chuyên viên giáo dục mầm non các cấp (Sở giáo dục, phòng giáo dục);

- Cán bộ quản lý tại cơ sở giáo dục mầm non công lập, tư thục;

### 2.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo bậc đại học ngành Giáo dục Mầm non tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học các chuyên ngành Giáo dục Mầm non, Quản lý giáo dục ở các cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong nước và nước ngoài.

### MA TRẬN TÍCH HỢP MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Tích “X” vào các ô tương thích)

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo								
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
PLO1 (KT)	X	X	X						
PLO2 (KT)	X	X	X						
PLO3 (KT)	X	X	X						
PLO4 (KN)				X	X	X	X		
PLO5 (KN)				X	X	X	X		
PLO6 (KN)				X	X	X	X		
PLO7 (KN)				X	X	X	X		
PLO8 (KN)				X	X	X	X		
PLO9 (KN)								X	
PLO10 (KN)								X	
PLO11 (KN)						X			
PLO12 (MĐTC&TN)									X
PLO13 (MĐTC&TN)									X
PLO14 (MĐTC&TN)									X
<b>Tổng</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>5</b>	<b>2</b>	<b>3</b>

### 3. CHUẨN ĐẦU VÀO CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non: Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương.

### 4. KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP

Chương trình đào tạo đại học ngành Giáo dục Mầm non gồm 125 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng-an ninh theo quy định hiện hành.

### 5. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 5.1. Cấu trúc Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Giáo dục Mầm non gồm 125 tín chỉ. Trong đó khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 24 tín chỉ, có tỉ lệ 19,2%; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 101 tín chỉ, có tỉ lệ 80,8%. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được cấu thành bởi nhóm kiến thức cơ sở ngành (33 tín chỉ: 29 tín chỉ bắt buộc, 04 tín chỉ tự chọn; chiếm 32,67% toàn khối); nhóm kiến thức chuyên ngành (47 tín chỉ: 43 tín chỉ bắt buộc, 04 tín chỉ tự chọn; chiếm 46,53% toàn khối); nhóm nghiệp vụ sư phạm, thực tập (14 tín chỉ; chiếm 13,86% toàn khối); nhóm khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế (07 tín chỉ; chiếm 0,69% toàn khối).

Cụ thể như sau:

<b>Khối kiến thức</b>	<b>Loại học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b> <i>(Không tính các học phần GDTC và GDQP - AN)</i>		<b>24 tín chỉ</b>
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>101 tín chỉ</b>
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>26 tín chỉ</b>
	+ Bắt buộc	24 tín chỉ
	+ Tự chọn	2 tín chỉ
<b>2.2. Kiến thức chuyên ngành</b>		<b>56 tín chỉ</b>
	+ Bắt buộc	50 tín chỉ
	+ Tự chọn	6 tín chỉ
<b>2.3. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập</b>		<b>12 tín chỉ</b>
<b>2.4. Khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế</b>		<b>7 tín chỉ</b>
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>125 tín chỉ</b>

## 5.2. Nội dung Chương trình đào tạo

### 5.2.1. Khung Chương trình đào tạo

#### Chương trình đào tạo đại học Giáo dục Mầm non

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức		Điều kiện tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, Tự học	

					<b>Thảo luận, Thực hành</b>		
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b> <i>(Không tính các môn GDTC và GDQP và AN)</i>			<b>24</b>				
<b><i>Lí luận chính trị</i></b>			<b>11</b>				
1	SS001	Triết học Mác-Lênin	3	32	26	30	
2	SS002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	21	18	61	
3	SS003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18	61	
4	SS004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18	61	
5	SS005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	18	61	
<b><i>Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh</i></b>							
6	PE006	Giáo dục thể chất 1	1	3	27	20	
7	PE007	Giáo dục thể chất 2	2	6	54	40	
8	ME008	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1		37	8		
9	ME009	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2		22	8		

10	ME010	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3		14	16		
11	ME011	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4		4	56		
<b><i>Ngoại ngữ</i></b>			<b>7</b>				
12	EN012	Tiếng Anh 1	3	30	30	90	
13	EN013	Tiếng Anh 2	4	30	60	110	
<b><i>Khoa học Tự nhiên</i></b>			<b>2</b>				
14	ITO14	Tin học đại cương	2	15	30	55	
<b><i>Khoa học Xã hội - Nhân văn</i></b>			<b>4</b>				
15	SS015	Pháp luật đại cương	2	21	18	61	
16	SS016	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành Giáo dục đào tạo	2	21	18	61	
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>101</b>				
<b><i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i></b>			<b>33</b>				
<b><i>Các học phần bắt buộc</i></b>			<b>29</b>				
17	SS017	Tâm lí học đại cương	2	15	30	55	
18	SS018	Giáo dục học	2	15	30	55	
19	SS019	Tiếng Việt thực hành	2	20	20	55	
20	SS020	Cơ sở văn hóa Việt	2	15	30	55	
21	SS021	Âm nhạc	3	15	60	75	
22	SS022	Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ Mầm non	3	10	70	70	
23	SS023	Mỹ thuật cơ bản	2	10	40	50	

24	SS024	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ Mầm non	2	15	30	55	
25	SS025	Vệ sinh - Dinh dưỡng cho trẻ Mầm non	3	20	50	80	
26	SS026	Sinh lý học trẻ em	2	15	30	55	
27	SS027	Giao tiếp ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non	2	15	30	55	
28	SS028	Văn học trẻ em, đọc, kể diễn cảm	2	15	30	55	
29	SS029	Giáo dục gia đình	2	15	30	55	
<b><i>Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 3 học phần)</i></b>			<b>4</b>				
30.1	SS030.1	Đàn Organ	2	5	50	45	
30.2	EN030.2	Tiếng Anh chuyên ngành Mầm non	2	15	30	55	
30.3	SS030.3	Xây dựng môi trường giáo dục trong trường Mầm non	2	15	30	55	
<b><i>2.2. Kiến thức chuyên ngành</i></b>			<b>47</b>				
<b><i>Các học phần bắt buộc</i></b>			<b>43</b>				
31	SS031	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	2	15	30	55	
32	SS032	Giáo dục học Mầm non	3	20	50	80	

33	SS033	Phương pháp tổ chức hoạt động Âm nhạc cho trẻ Mầm non	3	20	50	80	
34	SS034	Phương pháp tổ chức hoạt động Tạo hình cho trẻ Mầm non	3	20	50	80	
35	SS035	Phương pháp cho trẻ Mầm non làm quen với tác phẩm văn học	3	20	50	80	
36	SS036	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non	3	20	50	80	
37	SS037	Phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh	3	20	50	80	
38	SS038	Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ Mầm non	3	20	50	80	
39	SS039	Toán và PP tổ chức hoạt động cho trẻ Mầm non làm quen với toán.	4	25	70	105	
40	SS040	Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ Mầm non	3	20	50	80	
41	SS041	Đồ dùng dạy học và đồ chơi cho trẻ mầm non	2	10	40	50	
42	SS042	Quản lý trong Giáo dục Mầm non	2	15	30	55	
43	SS043	Nghề Giáo viên Mầm	2	10	40	55	
44	SS044	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục Mầm non	3	20	50	80	



45	SS045	Đánh giá trong Giáo dục Mầm non	2	15	30	55	
46	SS046	Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục Mầm non	2	15	30	55	
<b>Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 3 học phần)</b>			<b>4</b>				
47.1	SS047.1	Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kĩ	2	15	30	55	
47.2	SS047.2	Giáo dục hòa nhập	2	15	30	55	
47.3	SS047.3	Giáo dục kĩ năng sống cho trẻ Mầm non	2	15	30	55	
<b>2.3. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực hành và thực tập sư phạm</b>			<b>14</b>				
48	SS048	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	3		90	60	
49	SS049	Thực hành sư phạm	2		60	90	
50	SS050	Thực tập Sư phạm 1	2		120		
51	SS051	Thực tập Sư phạm 2	2		120		
52	SS052	Thực tập Sư phạm 3	5		300		
<b>2.4. Khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế</b>			<b>7</b>				
<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>			7				
53A	SS053A	Khóa luận tốt nghiệp	7				
<i>Học phần thay thế (Chọn 3 trong 6 học phần)</i>			7				
53B.1	SS053B.1	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non	3	20	50	80	

53B.2	SS053B.2	Hướng dẫn tổ chức các ngày hội, ngày lễ trong trường Mầm non.	2	15	30	55	
53B.3	SS053B.3	Giáo dục tích hợp ở bậc học Mầm non	3	20	50	80	
53B.4	SS53B.4	Ứng dụng giáo dục Steam trong Giáo dục	2	15	30	55	
53B.5	SS53B.5	Ứng dụng phương pháp Montessori trong tổ chức hoạt động giáo	2	15	30	55	
<b>Tổng cộng</b>			<b>125</b>				

**5.2.2. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT													
	Kiến thức			Kĩ năng									Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14
Triết học Mác-Lênin	3	0	0	0	2	0	0	0	2	0	0	2	2	2
Kinh tế chính trị Mác -Lênin	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	2	2
Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	2	2
Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	2
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	2	2
Giáo dục thể chất 1	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0

Giáo dục thể chất 2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0
Giáo dục quốc phòng và an ninh 1	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
Giáo dục quốc phòng và an ninh 2	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Tiếng Anh 1	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	2	1	0
Tiếng Anh 2	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	2	2	0
Tin học đại cương	2	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	2	0	0
Pháp luật đại cương	2	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2	2	2
Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành Giáo dục đào tạo	2	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2	2	2
Tâm lí học đại cương	2	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2	2	2
Giáo dục học	2	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2	2	2
Tiếng Việt thực hành	2	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2	2	2
Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2	2	2

Sinh lý học trẻ em	2	2	0	0	1	0	0	0	0	0	1	2	2	2
Âm nhạc	2	2	1	0	1	0	0	0	1	1	1	2	2	2
Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ Mầm non	2	2	1	0	1	0	0	0	1	1	1	2	2	2
Mỹ thuật cơ bản	2	2	1	0	1	0	0	0	1	0	0	2	2	2
Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ Mầm non	2	2	0	2	1	0	1	0	0	0	1	2	2	2
Vệ sinh - Dinh dưỡng cho trẻ Mầm non	2	2	0	2	1	0	1	0	0	0	1	2	2	2
Giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên Mầm non	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	0	2	2	2
Đàn Organ	2	2	1	0	1	0	0	0	1	1	1	2	2	2
Tiếng Anh chuyên ngành Mầm non	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	2	1	0
Văn học trẻ em, đọc, kể diễn cảm	2	2	2	0	0	0	2	2	2	0	0	2	2	2
Xây dựng môi trường giáo dục trong trường Mầm non	2	0	2	2	2	3	3	1	0	0	0	2	2	2
Giáo dục gia đình	2	1	1	0	1	0	0	1	0	0	1	2	2	2
Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	2	1	2	2	1	0	1	0	0	0	1	2	2	2

Giáo dục học Mầm non	2	1	2	2	1	0	1	0	0	0	1	2	2	2
PP tổ chức hoạt động Âm nhạc cho trẻ Mầm non	2	1	3	3	3	1	1	1	1	0	2	2	3	3
Phương pháp tổ chức hoạt động Tạo hình cho trẻ Mầm non	2	1	3	3	3	1	1	1	1	0	2	2	3	3
Phương pháp cho trẻ Mầm non làm quen với tác phẩm văn học	2	1	3	3	3	1	1	2	1	0	2	2	3	3
Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non	3	1	3	3	3	2	2	2	2	0	3	2	3	3
Phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh	2	1	3	3	3	1	1	1	1	0	2	2	3	3
Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ Mầm non	2	1	3	3	3	1	1	1	1	0	2	2	3	3
Toán và PP tổ chức hoạt động cho trẻ Mầm non làm quen với toán.	2	1	3	3	3	1	1	1	1	0	2	2	3	3
Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ Mầm non	2	1	3	3	3	1	1	1	1	0	2	2	3	3

Đồ dùng dạy học và đồ chơi cho trẻ mầm non	1	1	3	1	1	3	2	0	1	0	0	2	3	3
Quản lý trong Giáo dục Mầm non	1	1	2	2	2	0	0	0	0	0	2	2	2	2
Nghề Giáo viên Mầm non	1	2	3	2	2	1	1	3	0	0	1	2	3	3
Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục Mầm non	2	2	3	2	2	1	2	0	1	0	1	2	3	3
Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục Mầm non	2	2	2	1	2	0	0	0	1	0	3	2	2	2
Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ Mầm non	2	1	2	3	2	0	2	2	0	0	0	0	2	3
Đánh giá trong Giáo dục Mầm non	1	1	2	2	2	0	0	0	0	0	2	2	2	2
Giáo dục hòa nhập	2	1	1	0	1	0	0	1	0	0	1	2	2	2
Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ Mầm non	2	1	1	0	1	0	0	1	0	0	1	2	2	2
Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	1	1	3	2	2	1	2	1	1	0	2	2	3	2

Thực hành sư phạm	1	2	2	1	2	2	2	1	1	0	1	2	3	2
Thực tập Sư phạm 1	1	2	2	2	2	2	2	1	1	0	1	2	3	2
Thực tập Sư phạm 2	1	2	3	2	2	2	2	2	2	0	2	2	3	2
Thực tập Sư phạm 3	1	2	3	3	3	3	3	3	2	0	2	2	3	2
Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non	2	1	1	0	1	0	0	1	0	0	1	2	2	2
Hướng dẫn tổ chức các ngày hội, ngày lễ trong trường mầm non.	2	1	1	0	1	0	0	1	0	0	1	2	2	2
Giáo dục tích hợp ở bậc học Mầm non	2	1	1	0	1	0	0	1	0	0	1	2	2	2
Ứng dụng giáo dục Steam trong Giáo dục Mầm non	2	1	1	0	1	0	0	1	0	0	1	2	2	2
Ứng dụng phương pháp Montessori trong tổ chức hoạt động giáo dục trong trường Mầm non	2	1	1	0	1	0	0	1	0	0	1	2	2	2

## **Phần 4. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

### **I. Về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo hiện nay của nhà trường**

#### **1. Về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo hiện nay của nhà trường**

##### **1.1. Đội ngũ giảng viên**

Nhà trường có đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo ngành Giáo dục mầm non, trình độ đại học là những người có trình độ chuyên môn cao, đã trưởng thành qua thực tế và có nhiều năm kinh nghiệm, có thâm niên giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng và tâm huyết với sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT. Đội ngũ tham gia giảng dạy ngành Giáo dục Mầm non gồm người với 20 Tiến sĩ, 20 Thạc sĩ, 02 giảng viên cao cấp, 19 giảng viên chính, trong đó:

- Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo: TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, chuyên ngành Mầm non.

- Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy:

+ TS. Phạm Thị Thu Hằng, chuyên ngành Triết học; TS. Nguyễn Thái Hưng, chuyên ngành Giáo dục thể chất: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức giáo dục đại cương.

+ TS. Nguyễn Thị Tím Huế, chuyên ngành Giáo dục học; TS. Đồng Thị Yến, chuyên ngành tâm lý học: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức cơ sở ngành.

+ TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, chuyên ngành Mầm non: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức chuyên ngành.

+ TS. Vũ Thị Yến Nhi, chuyên ngành Giáo dục học. Hiệu trưởng Trường Mầm non thực hành sư phạm: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, thực hành và thực tập sư phạm.

+ TS. Phạm Thị Oanh, chuyên ngành Mầm non: Chủ trì thực hiện nội dung NCKH (luận án, luận văn).

- Có đủ số lượng giảng viên để đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định: Đội ngũ giảng viên cơ hữu hiện tại của trường đảm nhận được 100% khối lượng chương trình đào tạo.

*(Xem phụ lục Mẫu 1, Mẫu 2)*



## **1.2. Cán bộ nghiên cứu khoa học**

Hoạt động nghiên cứu khoa học luôn được nhà trường quan tâm, khuyến khích. Hiện tại, Trường Đại học Hải Dương có Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp trường, có quy chế hoạt động cụ thể. Hội đồng Khoa học và Đào tạo giữ vai trò tham mưu cho Ban Giám hiệu, các Khoa, Trung tâm trong định hướng phát triển chuyên môn, khoa học của nhà trường, các đơn vị và các ngành nghề đào tạo.

Trong giai đoạn từ 2010 đến nay, số lượng bài báo được đăng trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế về khoa học giáo dục đạt chỉ số quốc tế ISI, Scopus là 32 bài; số lượng bài đăng trên các tạp chí khoa học trong nước hàng trăm bài. Nhà trường cũng tham gia thực hiện 06 đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp Tỉnh về khoa học giáo dục; cùng với đó là nâng cao chất lượng Tạp chí khoa học của nhà trường nhằm không ngừng phát triển năng lực nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng sản phẩm nghiên cứu khoa học vào thực tiễn sản xuất và phát triển ngành nghề đào tạo, đặc biệt là ứng dụng vào khoa học giáo dục. Hằng năm, 100% các giảng viên, cán bộ quản lý của nhà trường tham gia nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến kinh nghiệm. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng được tăng cường thông qua việc làm đồ án, luận án, khoá luận tốt nghiệp.

05 năm trở lại đây, các giảng viên khoa Giáo dục Mầm non (tiên thân là khoa Giáo dục Mầm non của Trường Cao đẳng Hải Dương) và các giảng viên ở những khoa khác đã thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành đào tạo Giáo dục Mầm non, trình độ cao đẳng. Các đề tài đều có tính ứng dụng cao, phục vụ trực tiếp cho công tác giảng dạy, được Hội đồng nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học nhà trường đánh giá, xếp loại Giỏi, Xuất sắc.

Đặc biệt, các giảng viên của khoa Giáo dục Mầm non rất tích cực viết bài đăng trên các tạp chí nghiên cứu, tạp chí khoa học, biên soạn tài liệu tham khảo, xuất bản sách,... hỗ trợ hữu ích giáo viên trong công tác chăm sóc, nuôi dạy trẻ

*(Xem Phụ lục Mẫu 4, Mẫu 5).*

## **2. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học của nhà trường**

Nhằm tăng cường đội ngũ giảng viên có học vị Tiến sĩ, Trường Đại học Hải Dương thực hiện chính sách tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí cho giảng viên đi học. Ngoài ra, nhà trường cũng thực hiện chính sách ưu tiên tuyển dụng giảng viên có trình độ cao, áp dụng chế độ thu hút nhân tài của tỉnh Hải Dương đối với những giảng viên có trình độ Tiến sĩ.

Nhà trường cam kết thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho đơn vị, tổ chức, cá nhân của cơ sở đào tạo và tổ chức triển khai thực hiện việc tuyển dụng, kí hợp đồng, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học, bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phân công giảng dạy, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định.

## **Phần 5. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

### **1. Về cơ sở vật chất hiện có của nhà trường**

#### ***1.1. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học***

Trường Đại học Hải Dương có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành Giáo dục Mầm non. Trong đó bao gồm hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu; thư viện, trung tâm học liệu; trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập; nhà kí túc xá 5 tầng; nhà dịch vụ; nhà ăn sinh viên; phòng tập thể thao, nhà tập đa năng; sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo; sân bóng chuyên; sân bóng rổ. Cụ thể:

- Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu: 160;
- Thư viện, trung tâm học liệu: 04;
- Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập: 15;
- Nhà kí túc xá 5 tầng: 04;
- Nhà dịch vụ: 01;
- Nhà ăn sinh viên: 02;
- Phòng tập thể thao, nhà tập đa năng: 02;
- Sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo: 02;
- Sân bóng chuyên: 02;
- Sân bóng rổ: 02.

*(Xem Phụ lục Mẫu 6, Mẫu 8)*

#### ***1.2. Về học liệu, nguồn thông tin thư viện***

Trường Đại học Hải Dương có thư viện được trang bị hàng nghìn đầu sách chung và hàng trăm đầu sách chuyên ngành. Ngoài thư viện đặt trong khuôn viên nhà trường, trường còn xây dựng thư viện điện tử với các đầu sách rất phong phú. Nguồn học liệu của nhà trường như các bài giảng điện tử, bản đồ tư duy,... được sưu tầm, lưu trữ từ nhiều cơ sở đào tạo giáo viên Ngữ văn trên cả nước. Nhà trường có 427 đầu sách, gồm các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo để sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn học tập các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

*(Xem Phụ lục Mẫu 7)*

***1.3. Trường Đại học Hải Dương có trường thực hành sư phạm*** là Trường Mầm non Hoa Sen được thành lập từ năm 2014, với đủ các khối lớp từ nhà trẻ từ 18 – 24 tháng đến lớp mẫu giáo lớn. Đây là một trong các địa điểm lý tưởng rèn nghề cho sinh viên

ngành Giáo dục Mầm non, thực hiện phương châm đào tạo thực hành, thực nghiệp của Trường Đại học Hải Dương.

## **2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất của nhà trường**

Trong thời gian tới, theo Đề án sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương đã được của UBND tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, mức đầu tư cơ sở vật chất giai đoạn 1 (2023 – 2025) ước tính từ 200 – 250 tỷ đồng để xây dựng phòng học, giảng đường, nhà làm việc ... khang trang, hiện đại dùng chung cho đào tạo các ngành. Nhà trường cam kết thực hiện việc tăng cường mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, học liệu,... bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định.

## **Phần 6. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

### **1. Đơn vị chuyên môn quản lý đối với ngành đào tạo**

- Đơn vị chuyên môn cấp khoa quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học là khoa Giáo dục Mầm non.

- Các tổ bộ môn trong khoa: tổ Chuyên ngành, tổ Dinh dưỡng.

- Đội ngũ: 03 Tiến sĩ và các Thạc sĩ.

- Cơ sở vật chất của khoa: Khoa có 01 văn phòng dùng chung, 01 văn phòng cho Trưởng khoa, 02 văn phòng cho các tổ bộ môn của khoa. Các văn phòng đều được trang bị máy vi tính, máy in, điện thoại cố định và các vật dụng văn phòng cần thiết khác.

Các Phòng học lý thuyết, phòng học thực hành (tín, ngoại ngữ, phòng múa, phòng đàn....) đều được trang bị máy chiếu, máy điều hoà, kết nối mạng internet: Ở tại cơ sở 2, Trường Đại học Hải Dương, toà nhà giảng đường 06 tầng, số 42 Nguyễn Thị Duệ, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương.

Cơ sở thực hành sư phạm của ngành đào tạo: Trường thực hành Mầm non Hoa Sen ở tại cơ sở 2 Trường Đại học Hải Dương, số 42 Nguyễn Thị Duệ, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương.

### **2. Cán bộ quản lý chuyên môn**

- Lãnh đạo khoa: TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, TS. Phạm Thị Oanh, TS. Vũ Thị Yến Nhi

- Trợ lý khoa: Thạc sĩ Dương Thị Yến.

- Lãnh đạo tổ bộ môn: TS. Phạm Thị Oanh, TS. Vũ Thị Yến Nhi

- Trách nhiệm, quyền hạn của tập thể và cá nhân cán bộ quản lý chuyên môn để quản lý và tổ chức các hoạt động chuyên môn đối với ngành đào tạo Giáo dục Mầm non: Quản lý giảng viên, cán bộ và người học thuộc khoa Giáo dục Mầm non theo phân cấp của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương; tham gia xây dựng chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, kế hoạch giảng dạy; biên soạn và thẩm định giáo trình, tài liệu tham khảo các học phần do khoa quản lý; thực hiện giảng dạy các học phần chuyên ngành và các hoạt động giáo dục khác trong chương trình đào tạo; tham mưu cho Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương bổ sung cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo, ngân hàng đề thi, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập; tổ chức sinh hoạt chuyên môn và các

hội thảo khoa học chuyên ngành; triển khai nghiên cứu đề tài khoa học các cấp với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài Trường Đại học Hải Dương; hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học; tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, chủ động khai thác các dự án hợp tác quốc tế, phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; quản lí các hoạt động của sinh viên.

*(Xem Phụ lục Mẫu 3)*

## **Phần 7. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ RỦI RO**

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT đã thống nhất quy định chung về điều kiện, trình tự, thủ tục mở mã ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động ngành đào tạo của các trình độ của giáo dục đại học quy định: Cơ sở đào tạo phải xây dựng, đề xuất, phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo do Hội đồng trường phê duyệt và chịu trách nhiệm về định hướng phát triển mở ngành mới, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của cơ sở đào tạo; đồng thời bảo đảm phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực. Ngoài ra phải bảo đảm nguồn lực để triển khai đề án mở mã ngành đào tạo đạt hiệu quả, thẩm định về dự báo rủi ro, các giải pháp ngăn ngừa đề phòng rủi ro và cách thức giải quyết trong trường hợp rủi ro xảy ra khi mở ngành đào tạo.

### **1. Rủi ro của đề án mở mã ngành**

- Rủi ro về việc tuyển sinh không đủ số lượng;
- Rủi ro do bối cảnh dịch covid – 19 vẫn diễn biến phức tạp phải học online;
- Rủi ro do việc tuyển sinh không gắn với nhu cầu nhân lực của đại phương và vùng;
- Rủi ro do chương trình đào tạo cũng như điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo của ngành/trường;
- Rủi ro do đối thủ cạnh tranh không lành mạnh;
- Rủi ro do các thay đổi về chính sách pháp luật có liên quan đến ngành Giáo dục Mầm non;
- Rủi ro xảy ra do hậu quả từ hoạt động của con người trong điều hành hoạt động của nhà trường và khoa.

### **2. Các biện pháp phòng ngừa rủi ro đối với đề án mở mã ngành**

- Xây dựng và thẩm định đề án thật kỹ theo các quy định của pháp luật;
- Chuẩn bị tốt các cơ sở vật chất, cả trong trường hợp đào tạo online do ảnh hưởng của dịch bệnh;
- Khảo sát kỹ nhu cầu nhân lực của vùng và địa phương;
- Tăng cường việc định hướng nghề nghiệp đối với học sinh;
- Chuẩn bị thích ứng nhanh và hiệu quả nhất đối với các thay đổi về chính sách pháp luật có liên quan đến ngành Giáo dục Mầm non;
- Chuẩn bị và đào tạo đội ngũ nhân lực có chất lượng cao điều hành hoạt động của nhà trường và khoa.

### **3. Các biện pháp xử lý rủi ro đối với đề án mở mã ngành**

Chấp nhận rủi ro – tự gánh chịu: Trường Đại học Hải Dương nhận thức được các rủi ro có thể gặp phải nên theo quy định đã lập quỹ dự phòng để tự hạn chế, khắc phục hậu quả.

## **Phần 8. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN**

Nhà trường cam kết không vi phạm các quy định hiện hành về các điều kiện mở ngành đào tạo, tuyển sinh, tổ chức quản lý và đào tạo các ngành đang đào tạo và các quy định liên quan đến giáo dục đại học từ khi thành lập trường đến nay.

Trường Đại học Hải Dương sẽ tiếp tục phát triển đội ngũ giảng viên, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu, giáo trình, đáp ứng tốt nhất cho việc dạy và học nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo ngành học này.

Nhà trường cam kết và khẳng định luôn công khai cam kết chất lượng giáo dục và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục; công khai danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng, sinh viên trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng hằng năm theo các khoá học, ngành học; công khai tỷ lệ việc làm của sinh viên sau 01 năm tốt nghiệp; công khai mức thu học phí; công khai chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của ngành.

Với điều kiện cơ sở vật chất như trên, cùng đội ngũ cán bộ tâm huyết, có năng lực, Trường Đại học Hải Dương hoàn toàn có thể triển khai thành công đề án mở ngành đào tạo Giáo dục Mầm non (mã ngành **7140201**), trình độ đại học để Trường triển khai công tác tuyển sinh và đào tạo từ năm học 2023 – 2024./.

**HIỆU TRƯỞNG**



## PHỤ LỤC

**Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên kí hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, học phần trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo**

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND, CCCD hoặc hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh 06/8/1976	030176008 466 Việt Nam	TS, 2022, GVC	TS, Việt Nam, 2022	Khoa học GD - GDMN	01/01/2000	x	HC.4.30. 8601004871	23	08	02	
2	Phạm Thị Thu Hằng	030187021 812 Việt Nam	TS, 2021.	TS, Việt Nam, 2021	Triết học	01/09/2015	x	3011000041	07	04		

3	Nguyễn Thái Hưng 1976	300760083 30 Việt Nam	Tiến sĩ, 2020, GVC	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Giáo dục thể chất	14/09/1998	x	8699000091	25	04		
4	Nguyễn Thị Tím Huê	030179008 513 Việt Nam	Tiến sĩ, 2018, GVC	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Khoa học Giáo dục	02/12/2005	x	8605003316	18	04		
5	Đông Thị Yên 15/5/1988	030188000 568 Việt Nam	Tiến sĩ, 2018	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Tâm lí học	01/8/2014	x	3012030037	07	09		
6	Vũ Thị Yến Nhi 17/6/1977	030177009 629 Việt Nam	TS, 2018, GVC	TS, Việt Nam, 2018	Giáo dục học	01/10/2006	x	HC.4.30. 8607011038	17	09	06	
7	Phạm Thị Oanh 02/05/1977	030177017 913 Việt Nam	TS, 2021, GVC	TS, Việt Nam, 2021	Khoa học GD - GDMN	01/01/2000	x	HC.4.30. 8601004870	23	05	01	
8	Nguyễn Thị Duyên	030173001 130	TS 2017	TS, Việt Nam, 2017	Giáo dục học		x	8604002275	06	06		
9	Phạm Thị Hòa	030177012 781 Việt Nam	TS 2013, GVC	TS, Việt Nam, 2013	Sinh học	01/01/2000	x	8602003604	23	07	02	

10	Nguyễn Văn Quyên	030080003 727 Việt Nam	TS 2020, GVC	TS., Việt Nam, 2020	Sinh học	01/01/201 0	x	8604001868	13	05		
11	Nguyễn Phương Bình 07/04/1975	030075001 874 Việt Nam	Cử nhân, 1998	Cử nhân, Việt Nam, 1998	Mỹ thuật công nghiệp	01/01/200 7	x	HC. 4.30 . 8604003277	16	01		
12	Dương Thị Yên 17/07/1983	030183067 072 Việt Nam	Thạc sĩ, 2012	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Giáo dục Mầm non	01/01/200 8	x	HC.4.30. 3008008617	15	05		
13	Nguyễn Thu Loan	030186010 371	Thạc sĩ, 2016	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Giáo dục Mầm non	01/03/201 1	x	HC. 4.30. 8698007825	12	01		
14	Nghiêm Thị Thùy Dương	030187013 679 Việt Nam	Thạc sĩ, 2016	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Giáo dục Mầm non	01/03/201 1	x	HC. 4.30. 3010001490	12	01		
15	Trương Thị Hồng Diệp 30/01/1981	030181013 674 Việt Nam	Thạc sĩ, 2018	Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Quản lý giáo dục	01/09/200 3	x	HC.4.30. 8605009125	20	04		

16	Phạm Thị Thu Thủy 10/12/1977	030177007 120 Việt Nam	Tiến sĩ, 2018, GVC	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Ngữ văn	01/01/2001	x	HC.4.30. 8600002683	22	11		
17	Nguyễn Đức Toàn 1981	030081000 548	Tiến sĩ, 2015, GVC	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Ngữ văn	01/08/2005	x	3009055915	18	32		
18	Đặng Thị Mai 19/8/1977	030176016 427 Việt Nam	Tiến sĩ, 2017, GVC	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Giáo dục học (LL và PPDH bộ môn Giáo dục Chính trị)	01/02/1999	x	8699000084	24	05		
19	Tạ Thị Thúy Ngân	331720100 28 Việt Nam	Tiến sĩ, 2015, GVCC	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	KHGD Lí luận Chính trị	31/8/1996	x	2396049762	27	13	02	
20	Nguyễn Thị Thu Hà 03/4/1977	030177018 186 Việt Nam	Tiến sĩ, 2017, GVC	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Khoa học Giáo dục Lí luận Chính trị	01/9/2000	x	8603003291	23	07	01	

21	Trần Thị Tuyền 09/01/1983	024183016 025 Việt Nam	Thạc sĩ, 2012, GVC	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Triết học	01/01/20 08	x	3008008616	15	05		
22	Hoàng Thị Ngát	030182007 383 Việt Nam	Thạc sĩ, 2009, GVC	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Triết học	15/12/20 07	x	8607011037	16	03		
23	Nguyễn Thị Lài 26/01/1986	030186006 793 Việt Nam	Thạc sĩ, 2014	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Triết học	01/7/202 0	x	3011034210	09	03		
24	Cao Thị Thu Hằng	141449588 Việt Nam	Thạc sĩ, 2001, GVC	Thạc sĩ, Việt Nam, 2001	Khoa học giáo dục	12/1993	x	2396049729	30	01		
25	Nguyễn Thị Minh Hải	141796870 Việt Nam	Thạc sĩ, 2012	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Tâm lí học	01/01/20 07	x	8605003317	16	02		
26	Lê Thị Minh Anh	030177002 123 Việt Nam	Thạc sĩ, 2004	Thạc sĩ, Việt Nam, 2004	Giáo dục học	01/2/199 9	x	8699000081	24	02		

27	Vũ Thị Nga 1980	098641634 5 Việt Nam	Thạc sĩ 2012	Thạc sĩ Việt Nam, 2012	Tâm lí Giáo dục	02/12/20 05	x	8606003593	18			
28	Trần Quốc Hung 1980	030080020 073 Việt Nam	Thạc sĩ, 2008	Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Giáo dục học	01/1/200 7	x	8606003594	16	03		
29	Phạm Thị Loan 25/6/1985	030185004 916 Việt Nam	Thạc sĩ, 2011, GVC	Thạc sĩ, Việt Nam 2011	Công nghệ thông tin	01/01/20 09	x	3008008611	14	04		
30	Vũ Quốc Tuấn	030082003 453 Việt Nam	Tiến sĩ, 2020, GVC	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Toán học	01/01/20 06	x	8606003590	17	06	01	
31	Nguyễn Thị Thu Hiền	025184001 362 Việt Nam	Tiến sĩ, GVC 2018	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Giáo dục thể chất	04/01/201 1	x	HC 4303010001 495	12	12		
32	Nguyễn Hữu Thái 1985	030085003 556 Việt Nam	Thạc sĩ 2017	Thạc sĩ Việt Nam 2017	Giáo dục thể chất	18/11/200 4	x	1910000825	18	01		

33	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	030182010 342 Việt Nam	Thạc sĩ, 2013	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Lý luận và phương pháp dạy học Âm nhạc	15/12/2006	x	8607011036	17			
34	Đào Tiên Trí	030071014 753 Việt Nam	Cử nhân 2001	Cử nhân Việt Nam 2001	Âm Nhạc	9/1994	x	2396049714	29	01		
35	Nguyễn Thị Hồng Vân 1976	033317500 4460 Việt Nam	Ths, 2010, GVC	ThS, Việt Nam,2010	Lý luận LSMTCB	01/09/1998	x	8699000082	25	05		
36	Trần Đức Hạnh	033082004 232 Việt Nam	Thạc Sĩ 2010	Thạc Sĩ Việt Nam 2010	Mỹ thuật Tạo hình	01/01/2008	x	3008008607	15	01		
37	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	030176008 343 Việt Nam	Thạc sĩ, 2011	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Ngôn ngữ Anh	01/01/2000	x	8600003690	23	01		
38	Vũ Thị Điệp Lan	030187013 359 Việt Nam	Thạc sĩ 2017	Thạc sĩ Việt Nam, 2017	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	1/3/2011	x	3010001492	12	02		

39	Tiêu Thị Minh Hiền	030190018 332 Việt Nam	Thạc sĩ 2022	Thạc sĩ Việt Nam	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự	2011	x	3012022506	12			
40	Nguyễn Văn Việt	030079028 216 Việt Nam	TS, 2019, GVC	TS. Việt Nam, 2019	Sinh học	15/11/200 1	x	HC4308602 002087	22	09		
41	Đàm Văn Bắc	141369084 Việt Nam	TS 2014, GVCC	TS. Việt Nam, 2014	Địa lý	1/11/2006	x	2396007176	17	10		
42	Nguyễn Thị Thanh Hoa	030179018 111 Việt Nam	TS 2015	TS. Việt Nam, 2015	Lịch sử	1/8/2014	x	8603000666	19	14		

**Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, học phần trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo**

STT	Họ và tên	Học phần/ học phần giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kì, năm học)	Số tín chỉ	Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương
-----	-----------	------------------------------	---------------------------------------	------------	--



				Bắt buộc		Tự chọn		trình/ chuyên môn phù hợp, chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn, luận án
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	PP tổ chức hoạt động Âm nhạc cho trẻ Mầm non	Học kì 2, năm thứ hai	X				Giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình; Chủ trì giảng dạy khối kiến thức chuyên ngành.
		Phát triển và tổ chức thực hiện CTGDMN	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Giáo dục tích hợp ở bậc học MN	Học kì 2, năm thứ tư			X		
		Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ MN	Học kì 2, năm thứ tư			X		
		Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm kỹ năng xã hội cho trẻ MN	Học kì 2, năm thứ ba			X		
		Xây dựng môi trường giáo dục trong trường MN	Học kì 2, năm thứ hai			X		
		Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Học kì 1, năm thứ ba	X				

		Quản lý trong GDMN	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Đánh giá trong GDMN	Học kì 2, năm thứ ba			X		
		Toán và PP tổ chức hoạt động cho trẻ Mầm non làm quen với toán.	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		PP tổ chức hoạt động Tạo hình cho trẻ Mầm non	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		PP tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ Mầm non	Học kì 1, năm thứ ba	X				
2	TS. Phạm Thị Oanh	PP tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ Mầm non	Học kì 1, năm thứ ba	X				Giảng viên chủ trì giảng dạy chương trình - Chủ trì nội dung NCKH (khóa luận tốt nghiệp).
		Quản lý trong GDMN	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Đánh giá trong GDMN	Học kì 2, năm thứ ba			X		
		Toán và PP tổ chức hoạt động cho trẻ Mầm non làm quen với toán.	Học kì 2, năm thứ hai	X				

		Phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng XH cho trẻ MN	Học kì 2, năm thứ ba			X		
		Xây dựng môi trường giáo dục trong trường MN	Học kì 2, năm thứ hai			X		
3	TS. Vũ Thị Yến Nhi	Nghề giáo viên mầm non	Học kì 2, năm thứ ba	X				Giảng viên chủ trì giảng dạy chương trình; Chủ trì giảng dạy khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, thực hành và thực tập sư phạm.
		Văn học trẻ em, đọc, kể DC	Học kì 2, năm thứ hai			X		
		Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ MN	Học kì 2, năm thứ tư			X		
		PP cho trẻ Mầm non làm quen với tác phẩm văn học		X				
		Xây dựng môi trường giáo dục trong trường MN	Học kì 2, năm thứ hai			X		
		PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng XH cho trẻ MN	Học kì 1, năm thứ tư			X		

		Rèn luyện NVSP	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Thực hành SP 1	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Thực hành SP 2	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Thực hành SP 3	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Thực tập sư phạm 1	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Thực tập sư phạm 2	Học kì 2, năm thứ tư	X				
4	TS. Nguyễn Thị Duyên	Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng XH cho trẻ MN	Học kì 1, năm thứ tư			X		Giảng viên thực hiện chương trình
		Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ MN	Học kì 2, năm thứ tư			X		
		Xây dựng môi trường giáo dục trong trường MN	Học kì 2, năm thứ hai			X		
5	TS. Phạm Thị Hòa	Sinh lý học TE	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
6	TS. Nguyễn Văn Quyên	Sinh lý học TE	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình

7	TS. Phạm Thị Thu Hằng	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học kì 1, năm thứ hai	X				Giảng viên chủ trì giảng dạy chương trình - Chủ trì giảng dạy khối kiến thức giáo dục đại cương.
		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Triết học Mác - Lênin	Học kì 1, năm thứ nhất	X				
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kì 2, năm thứ hai	X				
8	CN. Nguyễn Phương Bình	Mỹ thuật cơ bản	Học kì 1, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		PP tổ chức hoạt động Tạo hình cho trẻ Mầm non	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Đồ dùng DH và đồ chơi cho trẻ mầm non	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Xây dựng môi trường giáo dục trong trường MN	Học kì 1, năm thứ hai			X		
		Quản lý trong GDMN	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Xây dựng môi trường giáo dục trong trường MN	Học kì 2, năm thứ hai			X		

Ths. Dương Thị Yến	PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non	Học kì 1, năm thứ ba	X			
	Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng XH cho trẻ MN	Học kì 1, năm thứ tư			X	
	PP tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ Mầm non	Học kì 1, năm thứ ba	X			
	Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ MN	Học kì 2, năm thứ nhất	X			
	Dàn dựng chương trình văn nghệ cho trẻ Mầm non	Học kì 2, năm thứ tư	X			
	Quản lý trong GDMN	Học kì 1, năm thứ ba	X			
	Đánh giá trong GDMN	Học kì 2, năm thứ ba			X	
9	Toán và PP tổ chức hoạt động cho trẻ Mầm non làm quen với toán.	Học kì 2, năm thứ hai	X			
	Phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh	Học kì 2, năm thứ ba	X			
	Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ Mầm non	Học kì 2, năm thứ ba	X			
Giảng viên thực hiện chương trình						

		Nghề Giáo viên Mầm non	Học kì 2, năm thứ ba	X				
10	Ths. Nguyễn Thu Loan	Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ MN	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Dàn dựng chương trình văn nghệ cho trẻ Mầm non	Học kì 2, năm thứ tư	X				
		Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục Mầm non	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		PP tổ chức hoạt động Âm nhạc cho trẻ Mầm non	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Giáo dục tích hợp ở bậc học MN	Học kì 2, năm thứ tư			X		
		PP cho trẻ Mầm non làm quen với tác phẩm văn học	Học kì 2, năm thứ tư	X				
		Văn học trẻ em, đọc, kể DC	Học kì 2, năm thứ hai			X		
11	Ths.Nghiêm Thị Thùy Dương	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ MN	Học kì 1, năm thứ ba	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Vệ sinh - Dinh dưỡng cho trẻ MN	Học kì 1, năm thứ hai	X				
		Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ Mầm non	Học kì 2, năm thứ ba	X				

		Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ Mầm non	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng XH cho trẻ MN	Học kì 1, năm thứ tư			X		
12	Ths.Trương Thị Hồng Diệp	Âm nhạc	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Đàn Organ	Học kì 1, năm thứ hai			X		
		Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ MN	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Dàn dựng chương trình văn nghệ cho trẻ Mầm non	Học kì 2, năm thứ tư	X				
		Quản lý trong GDMN	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Rèn luyện NVSP	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Thực hành SP 1	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Thực hành SP 2	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Thực hành SP 3	Học kì 2, năm thứ ba	X				



		Thực tập sư phạm 1	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Thực tập sư phạm 2	Học kì 2, năm thứ tư	X				
13	TS. Phạm Thị Thu Thủy	Tiếng Việt thực hành	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
14	TS. Nguyễn Đức Toàn	Tiếng Việt thực hành	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
15	TS. Đặng Thị Mai	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học kì 1, năm thứ hai	X				
16	TS. Tạ Thị Thúy Ngân	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học kì 1, năm thứ hai	X				
17	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Triết học Mác-Lênin	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học kì 2, năm thứ nhất	X				

		Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học kì 1, năm thứ hai	X				
		Pháp luật đại cương	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
18	Ths.Trần Thị Tuyền	Triết học Mác-Lênin	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
19	Ths.Hoàng Thị Ngát	Triết học Mác-Lênin	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
20	Ths.Nguyễn Thị Lại	Triết học Mác-Lênin	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học kì 2, năm thứ nhất	X				

21	Ths. Cao Thị Thu Hằng	Giáo dục học đại cương	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Giáo dục gia đình	Học kì 2, năm thứ hai			X		
		Giáo dục học Mầm non	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Phương pháp nghiên cứu KHGD Mầm non	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Giáo dục kĩ năng sống cho trẻ MN	Học kì 1, năm thứ tư			X		
22	Ths. Nguyễn Thị Minh Hải	Tâm lí học đại cương	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non	Học kì 1, năm thứ hai	X				
		Giáo dục hòa nhập	Học kì 2, năm thứ ba			X		

		Giáo dục học đại cương	Học kì 2, năm thứ nhất	X					
23	Ths. Lê Thị Minh Anh	Giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non	Học kì 1, năm thứ tư	X				Giảng viên thực hiện chương trình	
		Giáo dục gia đình	Học kì 2, năm thứ hai			X			
		Giáo dục học Mầm non	Học kì 2, năm thứ hai	X					
		Phương pháp nghiên cứu KHGD Mầm non	Học kì 1, năm thứ tư	X					
		Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ MN	Học kì 1, năm thứ tư			X			
24	TS. Nguyễn Thị Tím Huế	Giáo dục học đại cương	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên chủ trì giảng dạy chương trình - Chủ trì giảng dạy khối kiến thức cơ sở ngành.	
		Giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non	Học kì 1, năm thứ tư	X					
		Giáo dục gia đình	Học kì 2, năm thứ hai			X			
		Giáo dục học Mầm non	Học kì 2, năm thứ hai	X					
		Phương pháp nghiên cứu KHGD Mầm non	Học kì 1, năm thứ tư	X					

		Giáo dục hòa nhập	Học kì 2, năm thứ ba			X		
		Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ MN	Học kì 1, năm thứ tư			X		
25	Ths. Vũ Thị Nga	Giáo dục học đại cương	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Giáo dục gia đình	Học kì 2, năm thứ hai			X		
		Giáo dục học Mầm non	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Phương pháp nghiên cứu KHGD Mầm non	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ MN	Học kì 1, năm thứ tư			X		
26	Ths. Trần Quốc Hưng	Giáo dục học đại cương	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Giáo dục gia đình	Học kì 2, năm thứ hai			X		

		Giáo dục học Mầm non	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Phương pháp nghiên cứu KHGD Mầm non	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ MN	Học kì 1, năm thứ tư			X		
27	TS. Đồng Thị Yên	Tâm lí học đại cương	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên chủ trì giảng dạy chương trình - Chủ trì giảng dạy khối kiến thức cơ sở ngành.
		Giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non	Học kì 1, năm thứ hai	X				
		Giáo dục hòa nhập	Học kì 2, năm thứ ba			X		
		Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ MN	Học kì 1, năm thứ tư			X		
28	Ths. Phạm Thị Loan	Tin học ĐC	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
29	TS. Vũ Quốc Tuấn	Tin học ĐC	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
30	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Giáo dục thể chất 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình

		Giáo dục thể chất 2	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
31	TS. Nguyễn Thái Hưng	Giáo dục thể chất 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Giáo dục thể chất 2	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
32	Ths. Nguyễn Hữu Thái	Giáo dục thể chất 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Giáo dục thể chất 2	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
33	Ths. Nguyễn Thị Ánh Tuyệt	Âm nhạc	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Đàn Organ	Học kì 1, năm thứ hai			X		
34	CN. Đào Tiên Trí	Âm nhạc	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Đàn Organ	Học kì 1, năm thứ hai			X		

35	Ths. Nguyễn Thị Hồng Vân	Mỹ thuật cơ bản	Học kì 1, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Đồ dùng DH và đồ chơi cho trẻ mầm non	Học kì 2, năm thứ hai	X				
36	Ths. Trần Đức Hạnh	Mỹ thuật cơ bản	Học kì 1, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Đồ dùng DH và đồ chơi cho trẻ mầm non	Học kì 2, năm thứ hai	X				
37	Ths. Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Tiếng Anh 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Tiếng Anh 2	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
38	Ths. Vũ Thị Điệp Lan	Tiếng Anh 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Tiếng Anh 2	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
39	Ths. Tiêu Thị Minh Hiền	Pháp luật đại cương	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
40	TS. Nguyễn Văn Viết	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn	Học kì 1, năm thứ ba	X				



		Sinh lý học trẻ em	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Vệ sinh - Dinh dưỡng cho trẻ MN	Học kì 1, năm thứ hai	X				
41	TS. Đàm Văn Bắc	Cơ sở VHVN	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
42	TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa	Cơ sở VHVN	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình

**Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo**

STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, sn 06/8/1976 Trưởng khoa	Tiến sĩ 2022	Khoa học giáo dục – Giáo dục mầm non	
2	Phạm Thị Oanh; sn 02/05/1977 Phó trưởng khoa	Tiến sĩ 2020	Khoa học giáo dục – Giáo dục mầm non	
3	Vũ Thị Yến Nhi; sn 17/6/1977 Phó trưởng khoa, kiêm hiệu trưởng trường mầm non thực hành	Tiến sĩ 2018	Lý luận và lịch sử giáo dục	

**Mẫu 4. Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện**

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần, học phần)	Ghi chú

								<b>được phân công)</b>	
<b>1</b>	QĐ số 23/QĐ = CĐHD - ĐT, ngày 15/11/201 7	Cấp cơ sở	Phát triển hoạt động liên kết giữa trường Cao đẳng Hải Dương với các trường Tiểu học, THCS trong việc day kỹ năng sống cho học sinh	Tạ Thị Thúy Ngân	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/201 8	04- 06/7/201 8	91.9 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
<b>2</b>	QĐ số 23/QĐ – CĐHD - ĐT, ngày 15/11/201 7	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS huyện Kinh Môn (Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi: Chuyên đề Nghị luận xã hội)	Phạm Thu Thủy	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/201 8	04- 06/7/201 8	91.4 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
<b>3</b>	QĐ số 23/QĐ – CĐHD - ĐT, ngày 15/11/201 7	Cấp cơ sở	Tổ chức hoạt động trải nghiệm học phần: Tổ chức hoạt động tạo hình	Nguyễn Phương Bình	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/201 8	04- 06/7/201 8	90.0 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13

4	QĐ số 23/QĐ – CĐHD - ĐT, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên môn Sinh học THCS huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	Phạm Thị Hòa	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	89.8 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
5	QĐ số 23/QĐ – CĐHD - ĐT, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho Gv THCS môn Tiếng Anh huyện Kinh Môn	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	88.7 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
6	QĐ số 23/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS môn Địa lý huyện Kinh Môn	Đàm Văn Bắc	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	87.8 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
7	QĐ số 23/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS huyện Kinh Môn chuyên đề học sinh giỏi	Nguyễn Đức Toàn	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày	04-06/7/2018	87.0 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13

	15/11/2017				02/6/2018				
<b>8</b>	QĐ số 23/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	“Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động một số Câu lạc bộ thể thao theo sở thích cho học sinh Trung học cơ sở Chu Văn An theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới.”	Nguyễn Thái Hưng	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	87.0 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
<b>9</b>	QĐ số 23/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS môn Lịch sử huyện Kinh Môn.	Nguyễn Thị Thanh Hoa	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	86.2 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
<b>10</b>	QĐ số 23/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Tổ chức hoạt động trải nghiệm học phần “Phương pháp phát triển ngôn ngữ”	Dương Thị Yến	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	83.5 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13

<b>11</b>	QĐ số 23/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Tổ chức hoạt động trải nghiệm học phần “Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN”	Nguyễn Thu Loan	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	81.6 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
<b>12</b>	QĐ số 23/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình, bài giảng môn Mĩ thuật cho học sinh lớp 6 trường THCS Chu Văn An.	Nguyễn Thị Hồng Vân	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	80.0 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
<b>13</b>	QĐ số 23/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Tổ chức hoạt động trải nghiệm học phần “Tổ chức hoạt động vui chơi”	Nghiêm Thị Thùy Dương	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	76.7 điểm Khá		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
<b>14</b>	QĐ số 23/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày	Cấp cơ sở	Một số biện pháp nâng cao chất lượng thực tập sư phạm của sinh viên chuyên ngành Mầm non	Trương Thị Hồng Diệp	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày	04-06/7/2018	70.0 Khá		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13

	15/11/201 7		ở trường Mầm non Thực hành Hoa Sen		02/6/201 8				
<b>15</b>	QĐ số 14/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/201 8	Cấp cơ sở	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Hải Dương	Tạ Thị Thúy Ngân	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/201 9	29- 30/6/201 9 01/7/201 9	94.4 Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
<b>16</b>	QĐ số 14/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/201 8	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS huyện Kinh Môn (Chuyên đề Bồi dưỡng năng lực tạo lập văn bản nghị luận xã hội cho học sinh lớp 9 thi vào lớp 10 THPT)	Phạm Thị Thu Thủy	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/201 9	29- 30/6/201 9 01/7/201 9	91.7 Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
<b>17</b>	QĐ số 14/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/201 8	Cấp cơ sở	Thiết kế bài học trực tuyến E-learning môn Tin học cho bậc học Tiểu học và bậc THCS	Phạm Thị Loan	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/201 9	29- 30/6/201 9 01/7/201 9	91.2 Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13

<b>18</b>	QĐ số 14/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/201 8	Cấp cơ sở	Một số biện pháp nâng cao khả năng ca hát và vận động theo nhạc cho trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi	Trương Thị Hồng Diệp	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/201 9	29- 30/6/201 9 01/7/201 9	90.7 Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
<b>19</b>	QĐ số 14/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/201 8	Cấp cơ sở	Xây dựng chuyên đề Nhiệm sắc thể bồi dưỡng học sinh giỏi môn Sinh học THCS.	Phạm Thị Hòa	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/201 9	29- 30/6/201 9 01/7/201 9	90.4 Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
<b>20</b>	QĐ số 14/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/201 8	Cấp cơ sở	Bài tập lập trình với ngôn ngữ Pascal (BD HSG môn tin bậc THCS)	Vũ Quốc Tuấn	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/201 9	29- 30/6/201 9 01/7/201 9	90.4 Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
<b>21</b>	QĐ số 14/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực tạo lập văn bản nghị văn học (về tác phẩm/đoạn trích truyện) cho học	Nguyễn Đức Toàn	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày	29- 30/6/201 9 01/7/201 9	90.4 Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13



	15/11/2018		sinh lớp 9 thi vào lớp 10 THPT.		02/6/2019				
22	QĐ số 14/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2018	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình ôn tập kỹ năng Đọc hiểu môn tiếng Anh thi vào lớp 10 THPT	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	90.1 Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
23	QĐ số 14/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2018	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực nhận dạng và vẽ các loại biểu đồ cho học sinh giỏi Địa lí lớp 9	Đàm Văn Bắc	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	89.8 Giỏi		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
24	QĐ số 14/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2018	Cấp cơ sở	Xây dựng chuyên đề bồi dưỡng HSG môn Sinh học THCS	Nguyễn Văn Viêt	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	89.3 Giỏi		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
25	QĐ số 14/QĐ - CĐHD-	Cấp cơ sở	Xây dựng bài học trực tuyến E-learning cho học sinh khối 6	Vũ Thị Điệp Lan	QĐ số 12/CĐH D-ĐT,	29-30/6/2019	88.3 Giỏi		Công nhận

	ĐT, ngày 15/11/201 8				ngày 02/6/201 9	01/7/201 9			ngày 21/7/2019 QĐ số 13
<b>26</b>	QĐ số 14/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/201 8	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực tư duy và thực hành về Lịch sử thế giới và Lịch sử Việt Nam thời kì cận - hiện đại cho học sinh giỏi Lịch sử lớp 9	Nguyễn Thị Thanh Hoa	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/201 9	29- 30/6/201 9 01/7/201 9	88.1 Giỏi		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
<b>27</b>	QĐ số 14/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/201 8	Cấp cơ sở	Thiết kế bài học trực tuyến E - Learning môn Mỹ thuật cho học sinh lớp 2	Nguyễn Thị Hồng Vân	QĐ số 12/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/201 9	29- 30/6/201 9 01/7/201 9	86.2 Giỏi		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
<b>28</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/201 9	Cấp cơ sở	Hướng dẫn, thiết kế kế hoạch dạy học môn Mỹ thuật cho học sinh lớp 1 theo chương trình GDPT mới	Nguyễn Thị Hồng Vân	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 0	29- 30/6/202 0 01/7/202 0	88.9 Giỏi		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27

<b>29</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2019	Cấp cơ sở	Hướng dẫn, thiết kế kế hoạch dạy học môn Mỹ thuật cho học sinh lớp 1 theo chương trình GDPT mới	Trần Đức Hạnh	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2020	29-30/6/2020 01/7/2020 0	88.9 Giỏi		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27
<b>30</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2019	Cấp cơ sở	Hướng dẫn, thiết kế kế hoạch dạy học môn Mỹ thuật cho học sinh lớp 1 theo chương trình GDPT mới	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2020	29-30/6/2020 01/7/2020 0	87.0 Giỏi		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27
<b>31</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2019	Cấp cơ sở	Hướng dẫn, thiết kế kế hoạch dạy học môn Mỹ thuật cho học sinh lớp 1 theo chương trình GDPT mới	Đào Tiên Trí	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2020	29-30/6/2020 01/7/2020 0	85.2 Giỏi		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27
<b>32</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày	Cấp cơ sở	Hướng dẫn thiết kế Kế hoạch dạy học môn Đạo đức lớp 1 theo chương trình giáo dục phổ thông mới	Tạ Thị Thúy Ngân	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày	29-30/6/2020 01/7/2020 0	94.8 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27

	15/11/2019				02/6/2020				
33	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2019	Cấp cơ sở	Hướng dẫn thiết kế Kế hoạch dạy học môn Đạo đức lớp 1 theo chương trình giáo dục phổ thông mới	Nguyễn Thị Thu Hà	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2020	29-30/6/2020 01/7/2020	92.9 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27
34	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2019	Cấp cơ sở	Hướng dẫn thiết kế Kế hoạch dạy học môn Đạo đức lớp 1 theo chương trình giáo dục phổ thông mới	Phạm Thị Thu Hằng	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2020	29-30/6/2020 01/7/2020	90.8 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27
35	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2019	Cấp cơ sở	Hướng dẫn thiết kế Kế hoạch dạy học môn Đạo đức lớp 1 theo chương trình giáo dục phổ thông mới	Nguyễn Thị Lai	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2020	29-30/6/2020 01/7/2020	91.5 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27
36	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-	Cấp cơ sở	Hướng dẫn thiết kế Kế hoạch dạy học môn Đạo đức lớp 1 theo chương	Trần Thị Tuyền	QĐ số 25/CĐH D-ĐT,	29-30/6/2020 0	91.3 Xuất sắc		Công nhận

	ĐT, ngày 15/11/201 9		trình giáo dục phổ thông mới		ngày 02/6/202 0	01/7/202 0			ngày 15/7/2020 QĐ số 27
<b>37</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/201 9	Cấp cơ sở	Hướng dẫn thiết kế Kế hoạch dạy học môn Đạo đức lớp 1 theo chương trình giáo dục phổ thông mới	Hoàng Thị Ngát	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 0	29- 30/6/202 0 01/7/202 0	92.7 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27
<b>38</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/201 9	Cấp cơ sở	Hướng dẫn thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm lớp 1 theo chương trình GDPT mới	Cao Thị Thu Hằng	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 0	29- 30/6/202 0 01/7/202 0	93.3 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27
<b>39</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/201 9	Cấp cơ sở	Hướng dẫn thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm lớp 1 theo chương trình GDPT mới	Nguyễn Thị Tím Huế	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 0	29- 30/6/202 0 01/7/202 0	92.6 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27

<b>40</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/201 9	Cấp cơ sở	Hướng dẫn thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm lớp 1 theo chương trình GDPT mới	Đông Thị Yến	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 0	29- 30/6/202 0 01/7/202 0	91.4 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27
<b>41</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/201 9	Cấp cơ sở	Hướng dẫn thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm lớp 1 theo chương trình GDPT mới	Lê Thị Minh Anh	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 0	29- 30/6/202 0 01/7/202 0	90.9 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27
<b>42</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/201 9	Cấp cơ sở	Hướng dẫn thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm lớp 1 theo chương trình GDPT mới	Nguyễn Thị Minh Hải	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 0	29- 30/6/202 0 01/7/202 0	29- 30/6/2 020 01/7/2 020		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27
<b>43</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày	Cấp cơ sở	Hướng dẫn thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm lớp 1 theo chương trình GDPT mới	Vũ Thị Nga	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày	29- 30/6/202 0 01/7/202 0	91.1 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27

	15/11/2019				02/6/2020				
44	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2019	Cấp cơ sở	Hướng dẫn thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm lớp 1 theo chương trình GDPT mới	Trần Quốc Hưng	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2020	29-30/6/2020 01/7/2020	90.7 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27
45	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2019	Cấp cơ sở	Hướng dẫn thiết kế Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt lớp 1 theo chương trình GDPT mới	Phạm Thị Thu Thủy	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2020	29-30/6/2020 01/7/2020	93.0 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27
46	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2019	Cấp cơ sở	Hướng dẫn thiết kế Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt lớp 1 theo chương trình GDPT mới	Nguyễn Đức Toàn	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2020	29-30/6/2020 01/7/2020	92.6 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27
47	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-	Cấp cơ sở	Hướng dẫn thiết kế kế hoạch dạy học môn Tự nhiên & Xã hội lớp 1	Phạm Thị Hòa	QĐ số 25/CĐH D-ĐT,	29-30/6/2020 0	92.1 Xuất sắc		Công nhận

	ĐT, ngày 15/11/201 9		theo chương trình GDPT mới		ngày 02/6/202 0	01/7/202 0			ngày 15/7/2020 QĐ số 27
<b>48</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/201 9	Cấp cơ sở	Hướng dẫn thiết kế kế hoạch dạy học môn Tự nhiên & Xã hội lớp 1 theo chương trình GDPT mới	Nguyễn Thị Thanh Hoa	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 0	29- 30/6/202 0 01/7/202 0	91.0 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27
<b>49</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/201 9	Cấp cơ sở	Hướng dẫn thiết kế kế hoạch dạy học môn Tự nhiên & Xã hội lớp 1 theo chương trình GDPT mới	Đàm Văn Bắc	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 0	29- 30/6/202 0 01/7/202 0	92.8 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27
<b>50</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/201 9	Cấp cơ sở	Thiết kế bài học trực tuyến môn tiếng Anh (Our Greenerworld – Sources of energy)	Vũ Diệp Lan	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 0	29- 30/6/202 0 01/7/202 0	91.5 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27



<b>51</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2019	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình và dạy học học phần Tiếng Nga 1 và 2 cho Sinh viên khoa Ngoại ngữ trường Cao đẳng Hải Dương	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2020	29-30/6/2020 01/7/2020 0	90.7 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27
<b>52</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2019	Cấp cơ sở	Hướng dẫn thiết kế Kế hoạch dạy học môn Toán lớp 1 theo CTGDPT mới	Vũ Quốc Tuấn	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2020	29-30/6/2020 01/7/2020 0	93.8 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27
<b>53</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2019	Cấp cơ sở	Xây dựng mô hình sản xuất một số giống rau mới có giá trị kinh tế cao trên địa bàn tỉnh Hải Dương	Nguyễn Văn Quyên	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2020	29-30/6/2020 01/7/2020 0	94.7 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27
<b>54</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày	Cấp cơ sở	Xây dựng mô hình sản xuất một số giống rau mới có giá trị kinh tế cao trên địa bàn tỉnh Hải Dương	Phạm Thị Hòa	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày	29-30/6/2020 01/7/2020 0	94.7 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27

	15/11/2019				02/6/2020				
55	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2019	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình môn giáo dục thể chất lớp 1 theo chương trình GDPT mới	Nguyễn Thái Hưng	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2020	29-30/6/2020 01/7/2020	91.3 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27
56	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2019	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình môn giáo dục thể chất lớp 1 theo chương trình GDPT mới	Nguyễn Thị Thu Hiền	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2020	29-30/6/2020 01/7/2020	90.4 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27
57	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2019	Cấp cơ sở	Thiết kế bài học trực tuyến môn Sinh (Vận chuyển các chất qua màng sinh chất)	Nguyễn Văn Viết	QĐ số 25/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2020	29-30/6/2020 01/7/2020	90.3 Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2020 QĐ số 27
58	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy học học phần: Những	Tạ Thị Thúy Ngân	QĐ số 41/CĐH D-ĐT,	06-08/7/2021	98.1 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021

	ĐT, ngày 15/11/202 0		nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin		ngày 10/6/202 1				QĐ số 42
<b>59</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/202 0	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy học học phần: Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Thu Hà	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/202 1	06- 08/7/202 1	97.4 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
<b>60</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/202 0	Cấp cơ sở	Kiểm định tự đánh giá chất lượng dạy học học phần: Chương trình Giáo dục mầm non; Phát triển và tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/202 1	06- 08/7/202 1	97.1 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
<b>61</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/202 0	Cấp cơ sở	Kiểm định tự đánh giá chất lượng dạy học học phần: Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học,	Vũ Thị Yến Nhi	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/202 1	06- 08/7/202 1	96.9 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42

			Nghiên cứu khoa học, Nghề GVMN						
62	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/202 0	Cấp cơ sở	Kiểm định học phần: Tâm lý học giao tiếp ngành VN học; Kỹ năng GT ngành QLVH...	Cao Thị Thu Hằng	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/202 1	06- 08/7/202 1	96.7 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
63	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/202 0	Cấp cơ sở	Xây dựng các quyết định phục vụ kiểm định	Đàm Văn Bắc	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/202 1	06- 08/7/202 1	96.6 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
64	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/202 0	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy học học phần: Phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh, Phương pháp giáo dục thể chất, Đánh giá trong giáo dục mầm non.	Phạm Thị Oanh	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/202 1	06- 08/7/202 1	96.5 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42

65	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá ngành công tác xã hội, ngành sư phạm nghệ văn	Phạm Thị Thu Thủy	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	96.5 điểm Xuất sắc	Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
66	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy học học phần: Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hoàng Thị Ngát	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	96.3 điểm Xuất sắc	Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
67	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy học học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin	Nguyễn Thị Lại	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	96.1 điểm Xuất sắc	Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
68	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày	Cấp cơ sở	Kiểm định học phần: Tâm lý học ĐC ngành QL VH, TKVP; Tâm lý học ĐC ngành TCTBT	Lê Thị Minh Anh	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày	06-08/7/2021	95.9 điểm Xuất sắc	Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42

	15/11/2020				10/6/2021				
69	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định môn:Tâm lý học LT và TLHSP ngành ĐT GVTHCS; HĐGD ở trường THCS	Nguyễn Thị Tím Huế	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	95.8 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
70	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy học học phần Chính trị khối trung cấp GDNN	Trần Thị Tuyên	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	95.7 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
71	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy học học phần: Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán, Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, Văn học	Dương Thị Yến	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	95.7 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42

			thiếu nhi và đọc kể diễn cảm.						
72	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy học học phần: Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh	Phạm Thị Thu Hằng	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	95.3 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
73	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định tự đánh giá chất lượng học học phần: Mỹ thuật; Đồ dùng DH và Đồ chơi; tổ chức HĐTH	Nguyễn Phương Bình	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	95.5 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
74	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định tự đánh giá chất lượng dạy học học phần: Thực hành sư phạm, Rèn luyện NVSP.	Trương Thị Hồng Diệp	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	95.4 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
75	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá ngành Việt Nam	Nguyễn Đức Toàn	QĐ số 41/CĐH D-ĐT,	06-08/7/2021	95.4 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021

	ĐT, ngày 15/11/202 0		học, ngành Sư phạm Ngữ văn		ngày 10/6/202 1				QĐ số 42
76	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/202 0	Cấp cơ sở	Kiểm định học phần: GD hòa nhập; GDH đại cương ngành MN; Tâm lý học xã hội ngành TVTT	Vũ Thị Nga	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/202 1	06- 08/7/202 1	95.4 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
77	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/202 0		Kiểm định tự đánh giá chất lượng dạy học học phần: Tổ chức hoạt động vui chơi, Vệ sinh dinh dưỡng, Giáo dục dinh dưỡng, Phòng bệnh và đảm bảo an toàn, Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non.	Nghiêm Thị Thùy Dương	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/202 1	06- 08/7/202 1	95.2 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
78	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá ngành CĐTA (4 học phần Đọc hiểu 1-4, 2 học phần tiếng Nga	Nguyễn Thị Tuyết Nhưng	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày	06- 08/7/202 1	95.1 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42



	15/11/2020		1 và 2, 01 mô đun (Tiếng Anh Nhà hàng)		10/6/2021				
79	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định học phần Lý luận dạy học tiểu học, lý luận GDTH, tâm lý khách du lịch	Nguyễn Thị Minh Hải	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	94.9 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
80	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng Ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên tiểu học	Phạm Thị Loan	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	94.9 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
81	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định tự đánh giá chất lượng dạy học học phần: Tổ chức hoạt động Âm nhạc, Múa và dân dụng.	Nguyễn Thu Loan	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	94.8 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
82	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-	Cấp cơ sở	Xây dựng chuyên đề "Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn môn	Phạm Thị Hòa	QĐ số 41/CĐH D-ĐT,	06-08/7/2021	94.3 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày

	ĐT, ngày 15/11/202 0		<i>KHTN đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT 2018”</i> bồi dưỡng giáo viên KHTN THCS tỉnh Hải Duong		ngày 10/6/202 1				15/7/2021 QĐ số 42
<b>83</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/202 0	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá ngành Tiếng Anh (4 học phần nghe hiểu 1 – 4 + 1 mô đun TAKS)	Vũ Thị Điệp Lan	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/202 1	06- 08/7/202 1	94.3 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
<b>84</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/202 0	Cấp cơ sở	Kiểm định học phần: Chương trình đội và sao NĐ ngành ĐT GV THCS; Phương pháp CT đội và thực hành sao NĐ; thực hành tổ chức HĐ ngoài giờ lên lớp.	Trần Quốc Hung	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/202 1	06- 08/7/202 1	92.9 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
<b>85</b>	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-	Cấp cơ sở	Kiểm định học phần: Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	Đông Thị Yến	QĐ số 41/CĐH D-ĐT,	06- 08/7/202 1	93.5 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày

	ĐT, ngày 15/11/202 0		tiểu học; Tâm lý học đại cương ngành đào tạo GV tiểu học, THCS		ngày 10/6/202 1				15/7/2021 QĐ số 42
86	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/202 0	Cấp cơ sở	Kiểm định về tự đánh giá công tác TC-TH Trường Cao đẳng Hải Dương	Nguyễn Văn Quyên	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/202 1	06- 08/7/202 1	93.4 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
87	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/202 0	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá ngành sư phạm Lịch sử, Quản lí văn hóa	Nguyễn Thị Thanh Hoa	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/202 1	06- 08/7/202 1	93.4 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
88	QĐ số 10/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 15/11/202 0	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng ứng dụng CNTT cho GV Tiểu học	Vũ Quốc Tuấn	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/202 1	06- 08/7/202 1	91.3 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42

89	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định ngành nông nghiệp: quản lý đất đai	Nguyễn Văn Viết	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021 1	90.4 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
90	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định học phần GD thể chất chuyên sư phạm GD thể chất	Nguyễn Thị Thu Hiền	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021 1	89.8 điểm Giỏi		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
91	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Thiết kế kế hoạch dạy học môn thể dục lớp 6 theo chương trình phổ thông mới	Nguyễn Thái Hưng	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021 1	89.4 điểm Giỏi		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
92	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày	Cấp cơ sở	Kiểm định và đánh giá chất lượng ngành thiết kế đồ họa	Nguyễn Thị Hồng Vân	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày	06-08/7/2021 1	88.2 điểm Giỏi		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42

	15/11/2020				10/6/2021				
93	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Thiết kế kế hoạch dạy học môn Mỹ thuật	Trần Đức Hạnh	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	87.5 điểm Giỏi		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
94	QĐ số 10/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định dạy học phần Giáo dục thể chất chuyên sư phạm Giáo dục thể chất	Nguyễn Hữu Thái	QĐ số 41/CĐH D-ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	74.7 điểm Khá		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
95	QĐ số 73/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng ngân hàng đề thi tốt nghiệp THPT và thi ĐH môn Sinh học	Nguyễn Văn Quyên	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	95.0 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
96	QĐ số 73/QĐ - CĐHD-	Cấp cơ sở	Xây dựng biểu mẫu quản lý giờ giảng	Nguyễn Văn Viêt	QĐ số 26/CĐH D-ĐT,	23-24/6/2022	95.0 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày

	ĐT, ngày 22/11/202 1				ngày 02/6/202 2				15/7/2022 QĐ số 35
97	QĐ số 73/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng bài giảng ELearning môn Tin học lớp 10 bài 6,7	Phạm Thị Loan	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 2	23- 24/6/202 2	94.6 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
98	QĐ số 73/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng ngân hàng đề thi HSG môn Sinh học THCS	Phạm Thị Hòa	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 2	23- 24/6/202 2	94.4 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
99	QĐ số 73/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng bộ sản phẩm kiểm định GD THPT gồm: 5 đề KT thường xuyên, 3 đề KT giữa kì, 2 đề KT cuối kì, 1 đề thi HSG, 1 giáo án mẫu môn toán lớp 11)	Vũ Quốc Tuấn	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 2	23- 24/6/202 2	93.9 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35

<b>100</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Thiết kế kế hoạch dạy học môn thể dục lớp 10 theo chương trình GDPT 2018	Nguyễn Thị Thu Hiền	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	92.8 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
<b>101</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Thiết kế kế hoạch dạy học môn thể dục lớp 7 theo chương trình phổ thông 2018	Nguyễn Thái Hưng	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	92.9 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
<b>102</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên THCS module Tin học	Phạm Thị Loan	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	91.9 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
<b>103</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên môn Ngữ văn THCS đáp ứng chương trình GDPT mới	Phạm Thị Thu Thủy	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày	23-24/6/2022	97.40 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35

	22/11/202 1		(Chuyên đề bồi dưỡng kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu dạy học môn Ngữ văn cấp THCS 2018)		02/6/202 2				
<b>104</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên Ngữ văn THCS đáp ứng chương trình GDPT mới (Chuyên đề Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu dạy học môn Ngữ văn cấp THCS)	Nguyễn Đức Toàn	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	97.40 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
<b>105</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng ngân hàng đề thi TN THPT và thi Đại học tại trường THPT Chu Văn An	Đàm Văn Bắc	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	95.5 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
<b>106</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD-	Cấp cơ sở	Xây dựng bồi dưỡng giáo viên năm 2022 đáp ứng chương trình	Cao Thị Thu Hằng	QĐ số 26/CĐH D-ĐT,	23-24/6/2022	94.6 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày



	ĐT, ngày 22/11/202 1		giáo dục phổ thông mới.		ngày 02/6/202 2				15/7/2022 QĐ số 35
<b>107</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng bồi dưỡng GV năm 2022 đáp ứng chương trình GDPT mới	Nguyễn Minh Hải	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 2	23- 24/6/202 2	93.55 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
<b>108</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên môn Lịch sử và Địa lí THCS đáp ứng chương trình GDPT mới (Chuyên đề bồi dưỡng kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu dạy học môn Lịch sử -Địa lí)	Nguyễn Thị Thanh Hoa	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 2	23- 24/6/202 2	93.5 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
<b>109</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày	Cấp cơ sở	Xây dựng ngân hàng đề thi thử vào lớp 10 THPT môn Tiếng Anh	Nguyễn Thị Tuyết Nhưng	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày	23- 24/6/202 2	93.37 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022

	22/11/2021				02/6/2022				QĐ số 35
<b>110</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng bồi dưỡng giáo viên năm 2022 đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới.	Vũ Thị Nga	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	93.33 điểm Xuất sắc		
<b>111</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng chuyên đề bồi dưỡng GVMN: “Ứng dụng chương trình Steam trong tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường MN”	Nguyễn Thu Loan	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	92.66 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
<b>112</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng chuyên đề bồi dưỡng giáo viên mầm non: Ứng dụng Steam trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường Mầm non	Phạm Thị Oanh	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	92.5 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
<b>113</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD-	Cấp cơ sở	Xây dựng ngân hàng câu hỏi ôn luyện môn GDCD phục vụ ôn luyện	Nguyễn Thị Thu Hà	QĐ số 26/CĐH D-ĐT,	23-24/6/2022	92.37 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày

	ĐT, ngày 22/11/202 1		kì thi TN THPT quốc gia.		ngày 02/6/202 2				15/7/2022 QĐ số 35
<b>114</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng bộ đề thi môn GDCD lớp 11	Hoàng Thị Ngát	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 2	23- 24/6/202 2	92.2 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
<b>115</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng ngân hàng đề thi thử vào lớp 10 THPT (tối thiểu 5 đề + đáp án) môn Tiếng Anh	Vũ Thị Điệp Lan	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 2	23- 24/6/202 2	91.77 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
<b>116</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng bộ đề thi môn GDCD lớp 10	Nguyễn Thị Lài	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 2	23- 24/6/202 2	91.33 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35

<b>117</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng bộ đề thi môn GDCD lớp 10	Phạm Thị Thu Hằng	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 2	23- 24/6/202 2	91.33 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
<b>118</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Thiết kế bài dạy môn GDCD lớp 6	Trần Thị Tuyền	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 2	23- 24/6/202 2	91.1 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
<b>119</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng chuyên đề bồi dưỡng giáo viên mầm non: “ <i>Nâng cao năng lực giáo viên trong thiết kế trò chơi học tập nhằm giáo dục giới tính cho trẻ mầm non</i> ”	Dương Thị Yên	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 2	23- 24/6/202 2	91.1 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
<b>120</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD-	Cấp cơ sở	Xây dựng chuyên đề bồi dưỡng GVMN: “ <i>Hướng dẫn kỹ năng</i> ”	Nguyễn Phương Bình	QĐ số 26/CĐH D-ĐT,	23- 24/6/202 2	89.88 điểm Giỏi		Công nhận ngày

	ĐT, ngày 22/11/202 1		quan sát trẻ theo quá trình trong cơ sở GDMN”		ngày 02/6/202 2				15/7/2022 QĐ số 35
<b>121</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng chuyên đề bồi dưỡng GVMN: “Nâng cao năng lực giáo viên trong thiết kế trò chơi học tập nhằm giáo dục giới tính cho trẻ mầm non”	Nghiêm Thị Thùy Dương	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 2	23- 24/6/202 2	88.66 điểm Giỏi		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
<b>122</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Hướng dẫn, thiết kế kế hoạch dạy học môn Âm nhạc lớp 3 theo chương trình GDPT 2018	Nguyễn Thị Ánh Tuyệt	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 2	23- 24/6/202 2	80.09 điểm Giỏi		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
<b>123</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình "Bồi dưỡng kỹ năng Nhạc cụ cho sinh viên mầm non"	Đào Tiên Trí	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 2	23- 24/6/202 2	78.27 điểm Khá		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35

<b>124</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Thiết kế kế hoạch dạy học môn Mỹ thuật lớp 7 theo chương trình GDPT 2018	Trần Đức Hạnh	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022 2	75.7 điểm Khá		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
<b>125</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Một số biện pháp tạo hứng thú học tập cho sinh viên trong dạy học các môn lý luận Mác-Lênin ở trường đại học, cao đẳng	Tạ Thị Thúy Ngân	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022 2	95.0 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
<b>126</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Sử dụng vật liệu thiên nhiên trong tổ chức hoạt động chấp ghép nhằm phát triển kỹ năng quan sát cho trẻ mẫu giáo.	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022 2	90.0 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
<b>127</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD-ĐT, ngày	Cấp cơ sở	Thiết kế và áp dụng giáo án EDF cho trẻ mẫu giáo trong trường mầm non	Trương Thị Hồng Diệp	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày	23-24/6/2022 2	90.0 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35

	22/11/202 1				02/6/202 2				
<b>128</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Phát triển năng lực người học thông qua giáo dục trải nghiệm	Vũ Thị Yến Nhi	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 2	23- 24/6/202 2	90.0 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
<b>129</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Phát triển năng lực dạy học cho sinh viên cao đẳng sư phạm thông qua dạy học môn Giáo dục học	Nguyễn Thị Tím Huế	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 2	23- 24/6/202 2	89.0 điểm Giỏi		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
<b>130</b>	QĐ số 73/QĐ - CĐHD- ĐT, ngày 22/11/202 1	Cấp cơ sở	Mối quan hệ giữa khí chất và Stress ở học sinh THPT	Đông Thị Yến	QĐ số 26/CĐH D-ĐT, ngày 02/6/202 2	23- 24/6/202 2	90.0 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35

**Mẫu 5. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo**

(kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1.	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2013), “ <i>Môi trường hoạt động và mức độ ảnh hưởng của nó đến sự phát triển của trẻ mầm non</i> ”, Tạp chí khoa học, Trường ĐHSP HN 2, số 23, tr. 74-79.	Tạp chí Tác giả
2.	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2013) “ <i>Hệ thống những kỹ năng nghề nghiệp cần hình thành cho sinh viên ngành giáo dục Mầm non trong các trường sư phạm</i> ”, Tạp chí Giáo dục, số 309 kỳ 1, tr. 43-45.	Tạp chí Tác giả
3.	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2013), “ <i>Môi trường hoạt động và khả năng sáng tạo của trẻ mầm non</i> ”, Tạp chí giáo dục, số 313, kỳ 1, tr. 27-29.	Tạp chí Tác giả
4.	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2016), “ <i>Một số giải pháp đưa vật liệu thiên nhiên vào quá trình tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non</i> ”, Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt, tháng 4, tr. 152-154.	Tạp chí Tác giả
5.	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2016), “ <i>Sử dụng vật liệu thiên nhiên trong hoạt động tạo hình của trẻ mầm non</i> ”, Tạp chí Giáo dục, số 381, kỳ I, tr.64-66	Tạp chí Tác giả
6.	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2020), “ <i>Sử dụng vật liệu thiên nhiên trong hoạt động tạo hình nhằm phát triển năng lực quan sát cho trẻ mẫu giáo</i> ”, Tạp chí giáo dục, số đặc biệt, kỳ 1 tháng 5, tr.52-56.	Tạp chí Tác giả
7.	Phan Thị Thuận Nhi – Nguyễn Thanh Huyền - Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2018), <i>Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ từ 6 đến 24 tháng tuổi</i> , Nxb Giáo dục Việt Nam.	Sách Đồng tác giả
8.	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2023), Vũ Thị Yến Nhi (CB), Phạm Thị Oanh, Trương Thị Hồng Diệp, Dương Thị Yến, Nguyễn Thu Loan, Nguyễn Phương Bình, Nghiêm Thị Thùy Dương, <i>Hướng dẫn xây dựng và thực hiện các loại kế hoạch giáo dục ở trường mầm non</i> , Nhà xuất bản Lao động.	Sách Tác giả (CB)
9.	Tạ Thúy Ngân (2018), “ <i>Phát huy tính tích cực nhận thức của sinh viên trong dạy học môn Những nguyên lý cơ bản, qua sử dụng những kỹ thuật dạy học tích cực</i> ”, Tạp chí Giáo dục, tr.271-274.	Bài viết, Tác giả



10.	Tạ Thúy Ngân (2016), “ <i>Phương pháp trường hợp và việc gắn lý luận với thực tiễn trong dạy học môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin ở các trường Đại học, Cao đẳng</i> ”, Tạp chí Giáo dục, tr.168-170.	Bài viết, Tác giả
11.	Tạ Thúy Ngân (2015), “ <i>Phát huy tính tích cực nhận thức của sinh viên trong dạy học môn Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin qua sử dụng các phương tiện dạy học</i> ”, Tạp chí Giáo dục, tr. 205-207.	Bài viết, Tác giả
12.	Tạ Thúy Ngân (2015), “ <i>Một số giải pháp tạo hứng thú học tập trong dạy học môn Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin nhằm phát huy tính tích cực nhận thức của sinh viên</i> ”, Tạp chí Giáo dục, tr. 190-192.	Bài viết, Tác giả
13.	Tạ Thúy Ngân (2013), “ <i>Đào tạo sinh viên ngành Giáo dục công dân theo hướng tăng cường kỹ năng nghề nghiệp ở trường Cao đẳng Hải Dương</i> ”, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về Giáo dục Đạo đức - Công dân trong Giáo dục phổ thông Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo, tr. 696-699.	Bài viết, Tác giả
14.	Tạ Thúy Ngân (2013), “ <i>Dạy, học và đánh giá học phần “Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin” theo hướng gắn với kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên Cao đẳng Sư phạm Mầm non ở Trường Cao đẳng Hải Dương</i> ”, Tạp chí Giáo dục, số 306, kỳ 2, tr. 39-41.	Bài viết, Tác giả
15.	Tạ Thúy Ngân (2013), “ <i>Nâng cao hiệu quả tự học của học viên trong học tập môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin</i> ”, Tạp chí Khoa học quân sự, số 2, tr. 74-77.	Bài viết, Tác giả
16.	Tạ Thúy Ngân (2012), “ <i>Kiểm tra, đánh giá môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin theo hướng gắn với kỹ năng nghề nghiệp ở các trường Đại học, Cao đẳng</i> ”, Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội 2, số 22, tr. 135-143.	Bài viết, Tác giả
17.	Tạ Thúy Ngân (2012), “ <i>Giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học</i> ”, Tạp chí Khoa học quân sự, số 9, tr.52-54.	Bài viết, Tác giả

18.	Tạ Thúy Ngân (2012), “ <i>Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Giáo dục công dân lớp 7</i> ”, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.	Bài viết, Tác giả
19.	Tạ Thúy Ngân (2013), “ <i>Dạy học và đánh giá môn Giáo dục CT theo hướng gắn với kỹ năng nghề nghiệp cho học sinh TCCN của trường CĐ SP Hải Dương</i> ”, Tài liệu tập huấn giáo viên giảng dạy môn giáo dục chính trị TCCN, tr49-57.	Bài viết, Tác giả
20.	Đặng Thị Mai (2012), “ <i>Một số giải pháp nâng cao tính thực tiễn trong giảng dạy học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin theo hướng gắn với kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên</i> ”, Tạp chí Giáo dục (290), tr.34-36.	Bài viết, Tác giả
21.	Đặng Thị Mai (2014), “ <i>Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo quan điểm tích hợp ở trường Cao đẳng Hải Dương</i> ”, Tạp chí Giáo chức Việt Nam (88), tr.5-7.	Bài viết, Tác giả
22.	Đặng Thị Mai (2016), “ <i>Kết hợp phương pháp thảo luận nhóm với phương pháp nghiên cứu trường hợp trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> ”, Tạp chí Giáo chức Việt Nam (112), tr.11-13.	Bài viết, Tác giả
23.	Đặng Thị Mai (2016), “ <i>Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm kết hợp với các kỹ thuật dạy học trong giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh theo định hướng phát triển năng lực</i> ”, Tạp chí Giáo chức Việt Nam (113), tr.28-30.	Bài viết, Tác giả
24.	Hoàng Thị Ngát(2020),“ <i>Đổi mới phương pháp dạy học bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin</i> ”, Tạp chí Thiết bị Giáo dục, số 220 kì 1 (7/2020), tr103-105	Bài viết, Tác giả
25.	Hoàng Thị Ngát(2020), “ <i>Quan niệm về bản tính con người của Phan Bội Châu trong Khổng học đấng</i> ”, Tạp chí Thiết bị Giáo dục, số 221 kì 2 (7/2020), tr88 -91	Bài viết, Tác giả
26.	Hoàng Thị Ngát(2022),“ <i>Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 với nền giáo dục xã hội chủ nghĩa: Ý nghĩa đối với xây dựng văn hóa, con người Việt Nam</i> ”, Tạp chí Dạy và học ngày nay, số đặc biệt, (11/2022), tr 248-250	Bài viết, Tác giả

27.	Nguyễn Thị Thu Hà (2023), <i>Hướng dẫn tự học môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Máclênin</i> , NXB Lý luận Chính trị	Sách, tham gia
28.	Nguyễn Thị Thu Hà (2017), “ <i>Hoạt động trải nghiệm sáng tạo - sức hút mới trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học</i> ”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “ <i>Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông</i> ”, Nxb. Đại học Huế, tr.144.	Bài viết, Tác giả
29.	Nguyễn Thị Thu Hà (2016), “ <i>Một số nguyên tắc cơ bản phải đảm bảo thực hiện trong dạy học môn Giáo dục chính trị cho học sinh trung cấp chuyên nghiệp</i> ”, Tạp chí Giáo dục Việt Nam, số 106, (2/2016), tr.24 – 27 (tiếp 23).	Bài viết, Tác giả
30.	Nguyễn Thị Thu Hà (2015), “ <i>Biện pháp dạy học môn Giáo dục chính trị nhằm hình thành và phát triển thế giới quan khoa học cho học sinh trung cấp chuyên nghiệp theo định hướng phát triển năng lực</i> ”, Tạp chí Giáo dục Việt Nam, số 103, (11/2015), tr.25 - 27.	Bài viết, Tác giả
31.	Nguyễn Thị Thu Hà (2014), “ <i>Vai trò của triết học trong việc hình thành thế giới quan khoa học cho học sinh – sinh viên hiện nay</i> ”, Tạp chí Giáo dục, số 342, kì 2 (9/2014), tr.20 – 21.	Bài viết, Tác giả
32.	Nguyễn Thị Thu Hà (2014), “ <i>Nâng cao chất lượng dạy học môn Giáo dục chính trị - thách thức và giải pháp</i> ”, Tạp chí Giáo dục, số 333, kì 1 (5/2014), tr.35 - 36.	Bài viết, Tác giả
33.	Nguyễn Thị Thu Hà (2014), “ <i>Đổi mới phương pháp dạy học môn Giáo dục chính trị đáp ứng yêu cầu của tình hình mới trong giai đoạn hiện nay</i> ”, Tạp chí Giáo dục, số 327, kì 1 (2/2014), tr.16 - 18.	Bài viết, Tác giả
34.	Nguyễn Thị Thu Hà (2015), “ <i>Hình thành và phát triển thế giới quan khoa học cho học sinh trung cấp chuyên nghiệp trong dạy học môn Giáo dục chính trị, những vấn đề lý luận và thực tiễn</i> ”, Tạp chí Giáo dục Việt Nam, số 104, tháng 12, tr.23- 27.	Bài viết, Tác giả
35.	Nguyễn Thị Lại (2022), <i>Hướng dẫn nghiên cứu giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam</i> , NXB Đại học Huế.	Sách, Tham gia

36.	Nguyễn Thị Lại (2016), <i>Hướng dẫn tự học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> , Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội – 2016.	Sách, Tham gia
37.	Nguyễn Thị Lại (2013), “ <i>Tích cực hóa phương pháp thuyết trình trong dạy học môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin ở trường cao đẳng</i> ”, Tạp chí Giáo chức, số 76, tháng 8, tr.29-32	Bài viết, Tác giả
38.	Trần Thị Tuyền (2020), “ <i>Thiết kế hoạt động trải nghiệm, sáng tạo Phần lý luận về sự phát triển – Học phần Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin cho sinh viên hệ Cao đẳng Mầmnon chính quy</i> ”, Tạp chí Thiết bị Giáo dục (219). Tr. 81-82.	Bài viết, Tác giả
39.	Trần Thị Tuyền (2020), <i>Hướng dẫn kế hoạch dạy học môn đạo đức lớp 1 theo chương trình GDPT mới</i> , NXB Lao động.	Sách, Tham gia
40.	Cao Thị Thu Hằng (2022), “ <i>Xây dựng uy tín của người giáo viên trong bối cảnh hội nhập, mở rộng quan hệ quốc tế</i> ”, Tạp chí Công dân và khuyến học Dạy và học ngày nay, số đặc biệt tháng 11/2022, trang 134.	Bài viết, tác giả
41.	Lê Thị Minh Anh (2020), <i>Hướng dẫn thiết kế kế hoạch dạy học môn Đạo đức lớp 1 theo chương trình giáo dục phổ thông mới</i> , NXB Lao Động	
42.	Lê Thị Minh Anh (2022), “ <i>Bồi dưỡng phẩm chất, nhân cách cho sinh viên các trường CĐ, ĐH trước tác động cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4</i> ”, Tạp chí Công dân và khuyến học Dạy và học ngày nay, tháng 11/2022 , trang 20	Sách, tác giả thành viên
43.	Nguyễn Thị Minh Hải (2013), “ <i>Một số biện pháp nhằm ứng phó với căng thẳng của học sinh THCS</i> ”, Tạp chí giáo chức Việt Nam, số 77, tháng 9/2013, trang 17.	Bài viết, tác giả
44.	Nguyễn Thị Minh Hải (2014), “ <i>Mức độ và biểu hiện căng thẳng của học sinh THCS Tư Minh, thành phố Hải Dương</i> ”, Tạp chí Tâm lý học xã hội, số 2, tháng 2/2014, trang 54.	Bài viết, tác giả
45.	Nguyễn Thị Tím Huế (2015), “ <i>Sử dụng bài tập trong dạy GDH theo hướng phát triển năng lực</i> ”, Tạp chí Quản lý Giáo dục, số 77, tháng 10/2015, trang 29.	Bài viết, tác giả

46.	Nguyễn Thị Tím Huế (2015), “Xây dựng bài tập gắn liền với phương pháp dạy học trong dạy học GDH theo hướng phát triển năng lực”, <i>Tạp chí Khoa học Giáo dục</i> , Số 122, tháng 11/2015, trang 33.	Bài viết, tác giả
47.	Nguyễn Thị Tím Huế (2017), “Xây dựng bài tập Giáo dục học theo hướng phát triển năng lực dạy học cho sinh viên sư phạm”, <i>Tạp chí Khoa học Giáo dục</i> , số 145, tháng 10/2017, trang 82.	Bài viết, tác giả
48.	Nguyễn Thị Tím Huế (2020), <i>Lý luận và thực trạng việc xây dựng, sử dụng bài tập trong dạy học Giáo dục học theo hướng phát triển năng lực dạy học cho sinh viên Cao đẳng Sư phạm</i> , NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ.	Sách, tác giả chủ biên
49.	Đông Thị Yên (2011), “Thực trạng ảnh hưởng của cha mẹ ly hôn đến đời sống tâm lý thanh thiếu niên qua khảo sát tại huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương”, <i>Tạp chí Tâm lý học</i> , số 10, tháng 10/2011, trang 12.	Bài viết, tác giả
50.	Đông Thị Yên (2011), “Ảnh hưởng của cha mẹ ly hôn đến đời sống tâm lý của trẻ”, <i>Tạp chí Quản lý giáo dục</i> , số 30, tháng 11/2011, trang 25.	Bài viết, tác giả
51.	Đông Thị Yên (2014), “Mối quan hệ giữa khí chất và stress ở học sinh trung học phổ thông”, <i>Tạp chí Tâm lý học xã hội</i> , số 5, tháng 5/2014, trang 100.	Bài viết, tác giả
52.	Đông Thị Yên (2015), “Định kiến, kỳ thị và phân biệt đối xử đối với người đồng tính và chuyển giới ở Việt Nam”, <i>Tạp chí Khoa học</i> , số 5, trang 70.	Bài viết, tác giả
53.	Đông Thị Yên (2015), “The relationship between parents and adolescent homosexuals”, <i>British journal of psychology research</i> , Vol.3, No.2, pp.1-8, August 2015.	Bài viết, tác giả
54.	Đông Thị Yên (2016), “Thực trạng định kiến đối với người đồng tính nam”, <i>Tạp chí Tâm lý học xã hội</i> , số 10, tháng 10/2016, trang 25.	Bài viết, tác giả
55.	Đông Thị Yên (2016), “Định kiến của sinh viên đối với người đồng tính nam và đồng tính nữ”, <i>Tạp chí Tâm lý học xã hội</i> , số 11, tháng 11/2016, trang 149.	Bài viết, tác giả
56.	Đông Thị Yên (2017), “Một số yếu tố ảnh hưởng đến định kiến đối với người đồng tính”, <i>Tạp chí Tâm lý học xã hội</i> , số 4, tháng 4/2017, trang 3.	Bài viết, tác giả

57.	Đông Thị Yên (2018), “ <i>Nhu cầu và kỹ năng giao tiếp của sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn</i> ”, Tạp chí Tâm lý học xã hội, số 2, tháng 2/2018, trang 62.	Bài viết, tác giả
58.	Đông Thị Yên (2019), <i>Định kiến đối với người đồng tính</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	Sách, tác giả thành viên
59.	Đông Thị Yên (2019), <i>Công tác xã hội với người đồng tính, song tính, chuyển giới</i> , NXB Khoa học xã hội	Sách, tác giả thành viên
60.	Trần Quốc Hưng (2023), “ <i>Một số vấn đề đặt ra đối với việc sử dụng CNTT của sinh viên bậc Đại học hiện nay</i> ”, Tạp chí Công dân và khuyến học - Dạy và Học ngày nay, tháng 3/2023, trang 110.	Bài viết, tác giả
61.	Phạm Thị Thu Thủy (2012), “ <i>Dấu ấn Nam Bộ trong truyện ngắn “Mùa “len” trâu” của nhà văn Sơn Nam</i> ”, Tạp chí Nhà văn, số 3, tr. 112-116.	Bài viết, Tác giả
62.	Phạm Thị Thu Thủy (2012), “ <i>Nhân vật trong tập truyện ngắn “Hương rừng Cà Mau” của Sơn Nam từ góc nhìn văn hóa</i> ”, Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội 2, số 18, tr. 51-60.	Bài viết, Tác giả
63.	Phạm Thị Thu Thủy (2012), <i>Thân phận con người trong tập truyện ngắn “Thầm lặng”</i> , Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 336, tr.103-106.	
64.	Phạm Thị Thu Thủy (2014), “ <i>Cảm thức lưu lạc trong sáng tác của bốn nhà văn Nam Bộ</i> ”, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 362, tr. 85-90.	Bài viết, Tác giả
65.	Phạm Thị Thu Thủy (2014), “ <i>Con người Nam Bộ “tiền hiện đại” trong sáng tác của Hồ Biểu Chánh</i> ”, Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội 2, số 34, tr. 105-117.	Bài viết, Tác giả
66.	Phạm Thị Thu Thủy (2016), “ <i>Con người Nam Bộ trên hành trình mở đất và giữ đất trong sáng tác của Bình Nguyên Lộc và Sơn Nam</i> ”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Khoa học - Đại học Huế, số 2, tr. 37-49.	Bài viết, Tác giả
67.	Phạm Thị Thu Thủy (2016), “ <i>Con người Nam Bộ trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư</i> ”, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 387, tr. 74-77.	Bài viết, Tác giả

68.	Phạm Thị Thu Thủy (2016), <i>Dạy học Phong cách học Tiếng Việt ở chương trình Ngữ văn THCS</i> , Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.	Sách, Tác giả
69.	Phạm Thị Thu Thủy (2018), <i>Từ điển tác giả, tác phẩm văn học Hải Dương</i> , Nhà xuất bản Hội Nhà văn.	Sách, Tác giả
70.	Phạm Thị Thu Thủy (2022), “ <i>Một số điểm cần lưu ý khi dạy học trực tuyến môn Ngữ văn cho học sinh THCS hiện nay</i> ”, <i>Tạp chí Dạy và học ngày nay</i> , số đặc biệt, tr. 296-297.	Báo, Tác giả
71.	Nguyễn Đức Toàn (2015), “ <i>Một cách nhìn mới về hiện thực và con người trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại</i> ”, <i>Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật</i> , (368), tháng 2 năm 2015, tr. 78-83.	Bài viết, Tác giả
72.	Nguyễn Đức Toàn (2015), “ <i>Biểu tượng nghệ thuật trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam</i> , số 7 (92), năm 2015, tr. 104-107.	Bài viết, Tác giả
73.	Nguyễn Đức Toàn (2015), “ <i>Kiểu nhân vật đi tìm thời gian đã mất và hiệu ứng kỹ thuật dòng ý thức trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại</i> ”, <i>Tạp chí Hồng Việt</i> , số 9 (248) - 2015, tr. 68-72.	Bài viết, Tác giả
74.	Nguyễn Đức Toàn (2015), “ <i>Hành trình đi tìm bản ngã trong văn xuôi Việt Nam đương đại</i> ”, <i>Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật</i> , số 376, tháng 10 - 2015, tr. 65-69.	Bài viết, Tác giả
75.	Nguyễn Đức Toàn (2016), “ <i>Yếu tố vô thức nhân vật trong tiểu thuyết Nguyễn Bình Phương</i> ”, <i>Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật</i> , số 381, tháng 3 năm 2016, tr. 76-80.	Bài viết, Tác giả
76.	Nguyễn Đức Toàn (2016), “ <i>Hành trình tôi đi tìm tôi trong một vài tác phẩm văn xuôi Việt Nam đương đại</i> ”, <i>Tạp chí Văn nghệ quân đội</i> , số 854, tháng 10 năm 2016, tr. 101-105.	Bài viết, Tác giả
77.	Dương Thị Yên, Vũ Thị Yên Nhi, Trương Thị Hồng Diệp, (2022), “ <i>Thực trạng bỏ nghề của giáo viên mầm non trên địa bàn tỉnh Hải Dương</i> ”, <i>Tạp chí Giáo chức Việt Nam (Hội Cựu giáo chức Việt Nam “Tạp chí khoa học”</i> , số 178, tháng 2/2022, tr.46-48.	Bài viết, Tác giả

78.	Dương Thị Yến (2022), “ <i>Quy trình tổ chức hoạt động nhóm nhằm phát huy tính tích cực nhận thức của sinh viên trong dạy học môn Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán</i> ”, Tạp chí Giáo dục và Xã hội, số Đặc biệt tháng 6/2022 (kì 2), tr51 – 54.	Bài viết, Tác giả
79.	Dương Thị Yến (2023), “ <i>Một số thủ pháp rèn luyện kỹ năng quan sát cho trẻ mầm non</i> ”, Tạp chí Giáo dục Việt Nam, số 191, tháng 3/2023, tr25 – 26.	Bài viết, Tác giả
80.	Phạm Thị Oanh (4/2013), “ <i>Một số biện pháp sử dụng trò chơi học tập nhằm phát triển khả năng khái quát hóa cho trẻ 5 - 6 tuổi trong hoạt động làm quen với toán</i> ”, Tạp chí Giáo dục, (307), kì 1, tr.33-35	Bài viết, Tác giả
81.	Phạm Thị Oanh (5/2013), “ <i>Sử dụng trò chơi học tập nhằm phát triển biểu tượng về số cho trẻ 5 - 6 tuổi trong hoạt động làm quen với toán</i> ”, Tạp chí Giáo dục, (310), kì 2, tr.24-26	Bài viết, Tác giả
82.	Phạm Thị Oanh (12/2016), “ <i>Một số quan điểm về phát triển kỹ năng so sánh của trẻ 5 – 6 tuổi trong hoạt động làm quen với toán</i> ”, Tạp chí Giáo dục, (Số đặc biệt), tr. 215 - 217.	Bài viết, Tác giả
83.	Phạm Thị Oanh (08/2018), “ <i>Một số biện pháp kích thích nhu cầu, động cơ, hứng thú so sánh của trẻ 5 – 6 tuổi qua hoạt động hình thành biểu tượng hình dạng</i> ”, Tạp chí Giáo dục, (Số đặc biệt), tr. 113 - 116.	Bài viết, Tác giả
84.	Phạm Thị Oanh (10/2018), “ <i>Thực trạng mức độ biểu hiện kỹ năng so sánh của trẻ 5 – 6 tuổi qua hoạt động hình thành biểu tượng hình dạng ở trường mầm non</i> ”, Tạp chí Giáo dục, (440), kì 2, tr.26-29	Bài viết, Tác giả
85.	Phạm Thị Loan (2020), Nguyễn Thị Thanh Tâm, Nguyễn Thị Loan, <i>Tin học cơ sở</i> , Nxb Khoa học tự nhiên và Công nghệ.	Sách, Đồng tác giả
86.	Nguyễn Thị Thu Hiền (2020), “ <i>Lựa chọn các test và xây dựng tiêu chuẩn đánh giá thực trạng thể lực chuyên môn của nam sinh viên đội tuyển Bóng rổ trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội</i> ”, Tạp chí khoa học và đào tạo thể dục thể thao Trường ĐH TDTT TPHCM, số 2/2020, trang 36.	Bài viết, tác giả
87.	Nguyễn Thị Thu Hiền (2020), “ <i>Nghiên cứu bài tập dưỡng sinh đối với người cao tuổi sau 3 tháng tập luyện tại câu lạc bộ dưỡng sinh hội người cao tuổi phường Thanh bình, Thành phố Hải dương</i> ”, Tạp chí khoa học và đào tạo thể thao Trường ĐH TDTT Đà Nẵng, số 20-6/2022, Trang 37.	Bài viết, tác giả



88.	Nguyễn Thị Thu Hiền (2020), “ <i>Trò chơi vận động phát triển thể chất cho trẻ mầm non</i> ”, Nhà xuất bản Giáo dục, năm 2020.	Sách, tác giả thành viên
89.	Nguyễn Thị Thu Hiền (2021), “ <i>Lựa chọn các test và xây dựng tiêu chuẩn đánh giá thực trạng thể lực chuyên môn của nam sinh viên đội tuyển Bóng rổ trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội</i> ”, Tạp chí khoa học và đào tạo thể dục thể thao Trường ĐH TDTT Đà Nẵng, số 17- 9/2021, trang 57.	Bài viết, tác giả
90.	Nguyễn Thị Thu Hiền (2021), “ <i>Thực trạng thể lực nam sinh viên năm thứ nhất trường Cao đẳng Hải Dương</i> ”, Tạp chí khoa học và đào tạo thể thao Trường ĐH TDTT Đà Nẵng Số 18-12/2021, Trang 194.	Bài viết, tác giả
91.	Nguyễn Thị Thu Hiền (2022), “ <i>Đánh giá thực trạng thể lực của sinh viên năm thứ nhất Trường Cao đẳng Hải Dương</i> ”, Tạp chí khoa học và đào tạo thể dục thể thao, số 4/2022, trang 48.	Bài viết, tác giả
92.	Nguyễn Hữu Thái (2022), “ <i>Nâng cao chất lượng môn Thể dục thể thao cho học sinh trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Hải Dương</i> ”, Tạp chí Công dân và khuyến học Dạy và học ngày nay, số đặc biệt tháng 12/2022, trang 276.	Bài viết, tác giả
93.	Nguyễn Thái Hưng (2012), “ <i>Thực trạng bơi lội của học sinh tiểu học tỉnh Hải Dương</i> ”, Tạp chí khoa học Thể dục thể thao Viện Khoa học thể dục thể thao, năm 2012, trang 53.	Bài viết, tác giả
94.	Nguyễn Thái Hưng (2019), “ <i>Thực trạng cơ sở vật chất và hoạt động dạy bơi tại các trường tiểu học có bể bơi tỉnh Hải Dương</i> ”, Tạp chí khoa học Thể dục thể thao Viện Khoa học thể dục thể thao, năm 2019, trang 58.	Bài viết, tác giả
95.	Nguyễn Thái Hưng (2019), “ <i>Kết quả triển khai Chương trình chống đuối nước học sinh tiểu học tỉnh Hải Dương</i> ”, Tạp chí khoa học Thể dục thể thao Viện Khoa học thể dục thể thao, năm 2019, trang 68.	Bài viết, tác giả
96.	Nguyễn Thái Hưng (2020), “ <i>Trò chơi vận động phát triển thể chất cho trẻ mầm non</i> ”, Nhà xuất bản Giáo dục, năm 2020.	Sách, CB
97.	Phạm Thành Đông (2023), “ <i>Một số biện pháp nâng cao chất lượng dạy bơi cho học sinh Trung học cơ sở</i> ”, Tạp chí Công dân và khuyến học Dạy và học ngày nay, tháng 1/2023, trang 73.	Bài viết, tác giả

98.	Đỗ quốc Vương (2023), “ <i>Nâng cao ý thức học môn Giáo dục Quốc Phòng An Ninh của sinh viên các trường hiện nay</i> ”, Tạp chí Công dân và khuyến học <i>Đạy và học ngày nay</i> , tháng 1/2023, tr.92-95	Bài viết, tác giả
99.	Trần Đức hạnh (2023), “ <i>Biện pháp nâng cao chất lượng giờ học môn Mỹ thuật của học sinh tiểu học</i> ”, Tạp chí Công dân và khuyến học <i>Đạy và học ngày nay</i> , tháng 1/2023, trang 60.	Bài viết, tác giả
100.	Nguyễn Thị Hồng Vân (2020), “ <i>Đạy học tích hợp Mỹ thuật- Tiếng Anh lớp 1 theo chương trình giáo dục phổ thông mới 2018</i> ”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2020.	Sách, tác giả thành viên
101.	Nguyễn Thị Hồng Vân (2020), “ <i>Hướng dẫn thiết kế kế hoạch dạy học môn Mỹ thuật lớp 1 theo chương trình GD phổ thông mới</i> ”, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2020.	Sách, tác giả thành viên
102.	Trương Thị Hồng Diệp, Dương Thị Yến, Vũ Thị Yến Nhi, (2/2022), “ <i>Thực trạng bỏ nghề của giáo viên mầm non trên địa bàn tỉnh Hải Dương</i> ”, Tạp chí Giáo chức Việt Nam(Hội Cựu giáo chức Việt Nam “Tạp chí khoa học”), (178), tr46-48.	Bài viết, tác giả
103.	Trương Thị Hồng Diệp (5/2017), “ <i>Biện pháp quản lý hoạt động Thực tập sư phạm của sinh viên Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Cao đẳng Hải Dương</i> ”, Tạp chí Thiết bị giáo dục(Cơ quan của Hiệp hội Thiết bị giáo dục Việt Nam),(145), tr82-84.	Bài viết, tác giả
104.	Trương Thị Hồng Diệp (3/2023), “ <i>Tiếp cận phương pháp Montessori trong giáo dục trẻ mầm non</i> ”, Tạp chí Giáo chức Việt Nam (Hội Cựu giáo chức Việt Nam “Tạp chí khoa học”), (191), tr31-34.	Bài viết, tác giả
105.	Vũ Thị Yến Nhi, Nguyễn Thái Hưng (chủ biên), Nguyễn Thị Tím Huế, Trương Thị Hồng Diệp, Dương Thị Yến, Nguyễn Thị Thu Hiền, Nguyễn Thu Loan, Tài liệu: “ <i>Tuyển tập Trò chơi vận động phát triển thể chất cho trẻ lứa tuổi mầm non</i> ”, Nhà xuất bản Lao động, 2020.	Sách, đồng tác giả
106.	Dương Thị Yến, Vũ Thị Yến Nhi, Trương Thị Hồng Diệp, (2022), “ <i>Thực trạng bỏ nghề của giáo viên mầm non trên địa bàn tỉnh Hải Dương</i> ”, Tạp chí Giáo chức Việt Nam (Hội Cựu giáo chức Việt Nam “Tạp chí khoa học”, số 178, tháng 2/2022, tr46-48.	Bài viết, đồng tác giả

107.	Dương Thị Yên (2022), “ <i>Quy trình tổ chức hoạt động nhóm nhằm phát huy tính tích cực nhận thức của sinh viên trong dạy học môn Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán</i> ”, Tạp chí Giáo dục và Xã hội, số Đặc biệt tháng 6/2022 (kì 2), tr51 – 54.	Bài viết, tác giả
108.	Dương Thị Yên (2023), “ <i>Một số thủ pháp rèn luyện kỹ năng quan sát cho trẻ mầm non</i> ”, Tạp chí Giáo dục Việt Nam, số 191, tháng 3/2023, tr25 – 26.	Bài viết, tác giả
109	Phạm Thị Oanh (4/2013), “ <i>Một số biện pháp sử dụng trò chơi học tập nhằm phát triển khả năng khái quát hóa cho trẻ 5 - 6 tuổi trong hoạt động làm quen với toán</i> ”, Tạp chí Giáo dục, (307), kì 1, tr.33-35	Bài viết, tác giả
110	Phạm Thị Oanh (5/2013), “ <i>Sử dụng trò chơi học tập nhằm phát triển biểu tượng về số cho trẻ 5 - 6 tuổi trong hoạt động làm quen với toán</i> ”, Tạp chí Giáo dục, (310), kì 2, tr.24-26	Bài viết, tác giả
111	Phạm Thị Oanh (12/2016), “ <i>Một số quan điểm về phát triển kỹ năng so sánh của trẻ 5 – 6 tuổi trong hoạt động làm quen với toán</i> ”, Tạp chí Giáo dục, (Số đặc biệt), tr. 215 - 217.	Bài viết, tác giả
112	Phạm Thị Oanh (08/2018), “ <i>Một số biện pháp kích thích nhu cầu, động cơ, hứng thú so sánh của trẻ 5 – 6 tuổi qua hoạt động hình thành biểu tượng hình dạng</i> ”, Tạp chí Giáo dục, (Số đặc biệt), tr. 113 - 116.	Bài viết, tác giả
113	Phạm Thị Oanh (10/2018), “ <i>Thực trạng mức độ biểu hiện kỹ năng so sánh của trẻ 5 – 6 tuổi qua hoạt động hình thành biểu tượng hình dạng ở trường mầm non</i> ”, Tạp chí Giáo dục, (440), kì 2, tr.26-29	Bài viết, tác giả
114	Phạm Thị Loan (2020), Nguyễn Thị Thanh Tâm, Nguyễn Thị Loan, <i>Tin học cơ sở</i> , NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ.	Sách, tác giả
115	Vũ Thị Yên Nhi (2013), “ <i>Giáo dục giá trị nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non</i> ”, Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm 2, số 24, tháng 4, tr.41-46.	Bài viết, Tác giả
116	Vũ Thị Yên Nhi (2013), “ <i>Thực trạng lòng yêu nghề của giáo viên mầm non trên địa bàn tỉnh Hải Dương</i> ”, Tạp chí Khoa học Giáo dục, Số 94, tháng 7, tr.41-45	Bài viết, Tác giả

117	Vũ Thị Yến Nhi (2015), “ <i>Mô hình trường mầm non thực hành - Phương tiện giáo dục giá trị nghề nghiệp cho sinh viên Sư phạm mầm non</i> ”, Tạp chí Khoa học Giáo dục, Số 118, tháng 7, tr.31-33	Bài viết, Tác giả
118	Vũ Thị Yến Nhi (2015), “ <i>Trải nghiệm nghề nghiệp - Con đường hình thành giá trị nghề nghiệp cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục mầm non</i> ” Tạp chí Khoa học Giáo dục, Số 121, tháng 10, tr.24-26	Bài viết, Tác giả
119	Vũ Thị Yến Nhi (2017), “ <i>Thực trạng bỏ nghề của giáo viên mầm non trên địa bàn Tỉnh Hải Dương</i> ”, Tạp chí giáo chức, số 178, tháng 2, tr46-49	Bài viết, Tác giả
120	Vũ Thị Yến Nhi, Nguyễn Thái Hưng (chủ biên), Nguyễn Thị Tím Huế, Trương Thị Hồng Diệp, Dương Thị Yên, Nguyễn Thị Thu Hiền, Nguyễn Thu Loan (2020), <i>Tuyển tập Trò chơi vận động phát triển thể chất cho trẻ lứa tuổi mầm non</i> , Nxb Lao động.	Sách Chủ biên
121	Vũ Thị Yến Nhi (2017), « <i>Thực trạng giá trị nghề nghiệp của sinh viên cao đẳng năm thứ 3 ngành giáo dục mầm non ở một số cơ sở đào tạo giáo viên hiện nay</i> », Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 143, tháng 8, tr87-91.	Bài viết, Tác giả
122	Nguyễn Thị Duyên (2010), « <i>Thực trạng giải pháp phát triển đội ngũ cán bộ quản lý các trường mầm non của TP Hải Dương</i> », Tạp chí Giáo dục, số 239, tháng 6, tr8-11.	Bài viết, Tác giả
123	Nguyễn Thị Duyên (2010), « <i>Giải pháp phát triển đội ngũ cán bộ quản lý các trường mầm non của TP Hải Dương</i> », Tạp chí Giáo dục, số 241, tháng 7, tr63.	Bài viết, Tác giả
124	Nguyễn Thị Duyên (2011), « <i>Quá trình phát triển giáo dục mầm non TP Hải Dương từ 2005 - 2011</i> », Tạp chí Giáo dục, số 266, tháng 7, tr52-54.	Bài viết, Tác giả
125	Nguyễn Thị Duyên (2013), « <i>Giáo dục hành vi cho trẻ trong nhà trường mầm non</i> », Tạp chí Giáo chức Việt Nam, số 73, tháng 5, tr12-15.	Bài viết, Tác giả
126	Nguyễn Thị Duyên (2014), « <i>Đổi mới giáo dục mầm non và yêu cầu mô hình nhân cách cán bộ quản lý trường mầm non trong giai đoạn hiện nay</i> », Tạp chí Giáo dục, số 327, tháng 2, tr10-12.	Bài viết, Tác giả
127	Nguyễn Thị Duyên (2015), « <i>Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý trường mầm non tỉnh Hải Dương theo chuẩn hiệu trưởng</i> », Tạp chí Thiết bị giáo dục, số 113, tháng 1, tr5-7.	Bài viết, Tác giả

**Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở**

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Học phần/ học phần	Thời gian sử dụng (học kì, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	03	1,564			
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	02	405			
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	41	4,112	Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương	Học kỳ I,II,III	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	21	977	Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	Học kỳ I,II,III,IV,V,V I,VII,VIII	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	02	540	Các học phần Tin học, Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2	Học kỳ I,II	

1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	71	1,939	Các học phần thuộc chương trình đào tạo	Học kỳ I,II,III,IV,V,VI,VII,VIII	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	04	286	Các học phần thuộc chương trình đào tạo	Học kỳ I,II,III,IV,V,VI,VII,VIII	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	15	12,740	Các học phần nghiệp vụ sư phạm, thực tập	Học kỳ IV,V,VI,VII,VIII	
4	Nhà kí túc xá 5 tầng	04	12,869			
5	Nhà dịch vụ	01	1,267			
6	Nhà ăn sinh viên	02	950			
7	Phòng tập thể thao, nhà tập đa năng	02	976	Các học phần Giáo dục thể chất 1, Giáo dục thể chất 2, Giáo dục quốc phòng - an ninh	Học kỳ I,II, IV	

8	Sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo	02	2,750	Các học phần Giáo dục thể chất 1, Giáo dục thể chất 2, Giáo dục quốc phòng - an ninh	Học kỳ I,II, IV	
9	Sân bóng chuyền	02	840	Các học phần Giáo dục thể chất 1, Giáo dục thể chất 2, Giáo dục quốc phòng - an ninh	Học kỳ I,II, IV	
10	Sân bóng rổ	03	2,100	Các học phần Giáo dục thể chất 1, Giáo dục thể chất 2, Giáo dục quốc phòng - an ninh	Học kỳ I,II, IV	
	<b>Tổng</b>		<b>44,315</b>			

**Mẫu 7: Thư viện**

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

1	Giáo trình triết học Mác-Lênin	Bộ Giáo dục - Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021	50	Triết học Mác-Lênin	SS001	1	Tài liệu bắt buộc
2	<i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin</i> (2017),	Bộ Giáo dục và Đào tạo,	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.	50	Triết học Mác-Lênin	SS001	1	
3	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin ( <i>Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị</i> )	Bộ Giáo dục - Đào tạo (2021),	Nxb. Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.	50	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	SS002	2	Tài liệu bắt buộc
4	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. CTQG, Hà Nội, 2009	50	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	SS002	2	
5	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục & Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	SS004	4	Tài liệu bắt buộc
6	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng Trung ương biên soạn	NXB CTQG, Hà Nội, 2003	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	SS004	4	
7	Hồ Chí Minh : <i>Toàn tập</i> tập 1,2,4,15		Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	SS004	4	



8	Giáo trình Lịch sử Đảng CSVN	BGD&ĐT	NXB chính trị - Quốc gia, 2021	100	Lịch sử Đảng CSVN	SS005	3	Tài liệu bắt buộc
9	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng Sản Việt Nam	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.	50	Lịch sử Đảng CSVN	SS005	3	
10	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021)	Đảng Cộng Sản Việt Nam	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.	50	Lịch sử Đảng CSVN	SS005	3	
11	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ GD&ĐT	NXB CTQG, Hà Nội, 2006	50	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SS003	2	Tài liệu bắt buộc
12	Giáo trình Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021),	Nxb Đại học sư phạm Hà Nội, 2021	50	Pháp luật ĐC	SS015	2	Tài liệu bắt buộc

13	Giáo trình pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn (chủ biên).	NXB Chính trị Quốc gia, 2012.	50	Pháp luật ĐC	SS015	2	
14	Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật	Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan	NXB Công an nhân dân, 2015	50	Pháp luật ĐC	SS015	2	
15	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Nxb GD, 2007	50	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	SS020	1	Tài liệu bắt buộc
16	<i>Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm</i>	Trần Quốc Vượng	NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003.	50	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	SS020	1	Tài liệu bắt buộc
17	Bản sắc văn hoá Việt Nam.	Phan Ngọc	NXB Văn học, Hà Nội, 2019.	50	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	SS020	1	
18	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo		NXB Đại học sư phạm, 2005	50	Quản lý HCNN & QL Ngành GDĐT	SS016	8	Tài liệu bắt buộc

19	Các Văn kiện của Đảng CSVN của Nhà nước về GD-ĐT; HP 2013, Luật CB-CC, Luật Viên chức, Luật Giáo dục, Luật trẻ em, các văn bản pháp quy về giáo dục và đào tạo hiện hành.		NXB Chính trị Quốc gia - Hà Nội, 2011	50	Quản lý HCNN & QL Ngành GDĐT	SS016	8	Tài liệu bắt buộc
20	Giáo trình quản lý hành chính nhà nước	PGS.TS Nguyễn Hữu Hải	NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012	50	Quản lý HCNN & QL Ngành GDĐT	SS016	8	
21	Hệ thống giáo dục quốc dân và bộ máy quản lý giáo dục,	Nguyễn Xuân Thanh	NXB Đại học sư phạm Hà Nội 2012	50	Quản lý HCNN & QL Ngành GDĐT	SS016	8	
22	Giáo trình tin học cơ sở	Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang	NXB Thông tin và Truyền thông, 2015	50	Tin học ĐC	IT014	1	Tài liệu bắt buộc
23	Giáo trình Tin học đại cương	Hàn Viết Thuận	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2012	50	Tin học ĐC	IT014	1	
24	Microsoft Office 2007	Dương Minh Quý	NXB Hồng Đức, 2013	50	Tin học ĐC	IT014	1	

25	Clive Oxenden, Christina Latham Koenig and Paul Seligson, New English File. Elementary. Oxford University Press.		Oxford University Press, 2016	50	Tiếng Anh 1	EN012	1	Tài liệu bắt buộc
26	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ A, quyển 1.	Nguyễn Thị Quyết	Nhà xuất bản Thanh Hoá	50	Tiếng Anh 1	EN012	1	Tài liệu bắt buộc
27	Essential Grammar In Use	Raymond Murphy	NXB Thời đại, Từ điển Bách khoa	50	Tiếng Anh 1	EN012	1	
28	1. Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, New English File. Pre-intermediate		Oxford University Press.	50	Tiếng Anh 2	EN013	2	Tài liệu bắt buộc
29	2. Nguyễn Thị Quyết và các cộng sự . Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ B, quyển 2		Nhà xuất bản Thanh Hoá, 2016	50	Tiếng Anh 2	EN013	2	Tài liệu bắt buộc

30	1. Raymond Murphy, Essential Grammar In Use,		NXB Thời đại / Từ điển Bách khoa	50	Tiếng Anh 2	EN013	2	
31	Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học.	Đông Văn Triệu, Lê Anh Thơ	Nxb TDTT, Hà Nội, 2000	50	Giáo dục Thể chất 1	PE006	1	Tài liệu bắt buộc
32	1. Thể dục	Nguyễn Xuân Sinh	Nxb TDTT, Hà Nội.	50	Giáo dục Thể chất 1	PE006	1	Tài liệu bắt buộc
33	2. Giáo trình Điền Kinh	Nguyễn Đại Dương	Nxb TDTT, 2009	50	Giáo dục Thể chất 1	PE006	1	Tài liệu bắt buộc
34	3. Giáo trình Bóng chuyền	Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn	Nxb ĐHSP, Hà Nội, 2006	50	Giáo dục Thể chất 1	PE006	1	Tài liệu

								bắt buộc
35	4. Giáo trình Thể dục Aerobic	Đinh Khánh Thu	Nxb TDTT, 2014	50	Giáo dục Thể chất 1	PE006	1	Tài liệu bắt buộc
36	Giáo trình Bóng Đá	PGS.TS.Trần Đức Dũng	Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội, 2002	50	Giáo dục Thể chất 1	PE006	1	Tài liệu bắt buộc
37	Giáo trình bóng rổ,	Nguyễn Văn Trung; Nguyễn Quốc Quân; Phạm Văn Thảo	NXB TDTT, Hà Nội.	50	Giáo dục Thể chất 1	PE006	1	Tài liệu bắt buộc
38	5. Thể dục	Nguyễn Xuân Sinh	Nxb TDTT, Hà Nội.	50	Giáo dục Thể chất 2	PE007	2	Tài liệu bắt buộc

39	6. Giáo trình Điền Kinh	Nguyễn Đại Dương	Nxb TĐTT, 2009	50	Giáo dục Thể chất 2	PE007	2	Tài liệu bắt buộc
40	7. Giáo trình Bóng chuyền	Nguyễn Việt Minh, Hồ Đức Sơn	Nxb ĐHSP, Hà Nội, 2006	50	Giáo dục Thể chất 2	PE007	2	Tài liệu bắt buộc
41	8. Giáo trình Thể dục Aerobic	Nguyễn Văn Thời	Tập 1, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội, 2014.	50	Giáo dục Thể chất 2	PE007	2	Tài liệu bắt buộc
42	9. Giáo trình <i>Giáo trình Khiêu vũ thể thao</i>	Vũ Thị Mai và cộng sự	NXB Thể dục thể thao, Hà Nội, 2011. Nxb Thể dục thể thao	50	Giáo dục Thể chất 2	PE007	2	Tài liệu bắt buộc
43	10. Giáo trình bóng rổ	Nguyễn Văn Trung; Nguyễn Quốc Quân; Phạm Văn Thảo	NXB TĐTT, Hà Nội	50	Giáo dục Thể chất 2	PE007	2	Tài liệu bắt buộc

44	“Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo	Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu	NXB TDTT, 2008	50	Giáo dục Thể chất 2	PE007	2	Tài liệu bắt buộc
45	Sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non	Nguyễn Ánh Tuyết - Nguyễn Thị Như Mai	NXB Giáo Dục	50	Tâm lý học	SS017	3	Tài liệu bắt buộc
46	Tâm lý học	Ngô Công Hoàn - Nguyễn Mai Hà		50	Tâm lý học	SS017	3	Tài liệu bắt buộc
47	Chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào trường phổ thông học	Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên)	NXB Giáo Dục	50	Tâm lý học	SS017	3	
48	Bài tập thực hành tâm lý học và giáo dục học,	Nguyễn Ánh Tuyết	NXB Giáo Dục	50	Tâm lý học	SS017	3	
49	Giáo dục học mầm non	Nguyễn Thị Hoà	NXB ĐHSP, 2013	100	Giáo dục học	SS018	4	Tài liệu



								bắt buộc
50	Giáo dục âm nhạc	Phạm Thị Hòa, Ngô Thị Nam	NXB GD, 1995	100	Âm nhạc	SS021	2	Tài liệu bắt buộc
51	Âm nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc Tập II	Ngô Thị Nam (chủ biên)	NXB ĐHQG, 1993	100	Âm nhạc	SS021	2	Tài liệu bắt buộc
52	Trẻ mầm non ca hát	Hoàng Văn Yến	NXB ĐHQG, 1993	100	Âm nhạc	SS021	2	Tài liệu bắt buộc
53	Phương pháp hát và chỉ huy, dàn dựng hát tập thể	Vũ Tụ Lâm - Thế Hào	NXB GD, 1983	100	Âm nhạc	SS021	2	Tài liệu bắt buộc

54	Múa và phương pháp dạy trẻ vận động theo nhạc		NXB Hà Nội.	100				
55	Giáo trình Mỹ thuật cơ bản	Ngô Bá Công	NXB ĐHSP Hà Nội, 2008	100	Mỹ thuật	SS023	2	Tài liệu bắt buộc
56	Giáo trình trang trí	Tạ Phương Thảo	NXB ĐHSP Hà Nội, 2007	50	Mỹ thuật	SS023	2	Tài liệu bắt buộc
57	Tiếng Việt và tiếng việt thực hành	Lã Thị Bắc Lý	NXB ĐHSP HN, 2014	50	Tiếng Việt thực hành	SS019	1	Tài liệu bắt buộc
58	Tiếng Việt (tập 1,2)	Nguyễn Xuân Khoa	NXB ĐHSP HN, 1996	50	Tiếng Việt thực hành	SS019	1	Tài liệu bắt buộc
59	Giáo trình phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	Lê Thị Mai Hoa, Trần Văn Dần	NXB Giáo dục, 2008	100	Phòng bệnh và đảm bảo an	SS024	4	Tài liệu

					toàn cho trẻ MN			bắt buộc
60	Giáo trình dinh dưỡng trẻ em tuổi nhà trẻ và mẫu giáo.	Lê Thị Mai Hoa - Trần Văn Dần (2008),	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003	100	Vệ sinh - Dinh dưỡng cho trẻ MN	SS025	3	Tài liệu bắt buộc
61	Giáo trình vệ sinh trẻ em	Hoàng Thị Phương	Nxb. Đại học Sư phạm.	100	Vệ sinh - Dinh dưỡng cho trẻ MN	SS025	3	
62	Giáo trình sinh lý học trẻ em.	Lê Thanh Vân	NXB Đại học sư phạm, 2002	100	Sinh lý học trẻ em	SS026	2	Tài liệu bắt buộc
63	Giáo trình Kỹ năng giao tiếp sư phạm mầm non,	Lê Thị Hương, Nguyễn Thị Vinh	Giáo trình Nội bộ, 2017	100	Giao tiếp của giáo viên mầm non	SS027	7	Tài liệu bắt buộc
64	Giao tiếp sư phạm	Ngô Công Hoàn, Hoàng Anh	NXB Giáo dục, Hà Nội, 2010	100	Giao tiếp của giáo viên mầm non	SS027	7	Tài liệu bắt buộc

65	Giáo trình Kỹ năng giao tiếp (dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp)	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội		100	Giao tiếp của giáo viên mầm non	SS027	7	
66	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu Khoa học Giáo dục mầm non,	Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên) - Đinh Văn Vang - Lê Thị Kim Anh	NXB Đại học Sư phạm, 2017	100	Phương pháp nghiên cứu KHGD	SS043	7	Tài liệu bắt buộc
67	Lý thuyết và thực hành trên đàn Organ, tập 1,2		NXB âm nhạc, 1999	50	Đàn Organ	SS028.1	5	Tài liệu bắt buộc
68	Phương pháp hát và chỉ huy dàn dựng hát tập thể		NXB GD, 2000	50	Đàn Organ	SS028.1	5	Tài liệu bắt buộc
69	Văn học trẻ em	Lã Thị Bắc Lý	Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2020	100	Văn học trẻ em và Đọc kể diễn cảm	SS028.3	5	Giáo trình

70	Văn học thiếu nhi với giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non	Lã Thị Bắc Lý	Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2018	100	Văn học trẻ em và Đọc kể diễn cảm	SS028.3	5	
71	Tuyển tập thơ truyện, trò chơi, câu đố cho trẻ mầm non theo độ tuổi,	Lê Thu Hương	Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2013	100	Văn học trẻ em và Đọc kể diễn cảm	SS028.3	5	
72	Xây dựng môi trường GD trong trường mầm non theo định hướng lấy trẻ làm trung tâm.	Trịnh Thị Xim	Nxb. ĐHQG Hà Nội, 2019	100	Xây dựng môi trường giáo dục trong trường MN	SS028.4	3	Giáo trình
73	Chương trình GDMN	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Giáo dục, 2017	100	Xây dựng môi trường giáo dục trong trường MN	SS028.4	3	
74	Hướng dẫn CS, GD trẻ tại các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực,	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Giáo dục, 2016	100	Xây dựng môi trường giáo dục trong trường MN	SS028.4	3	
75	Tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.	Hoàng Thị Phương (Chủ biên)	Nxb ĐHSP, 2018	100	Xây dựng môi trường giáo dục trong trường MN	SS028.4	3	
76	Giáo trình Gia đình và giáo dục gia đình,	Nguyễn Trọng Thiều	Trường Cao đẳng sư phạm Hà Nội	100	Giáo dục gia đình	SS028.5	3	

			2012					
77	Giáo dục âm nhạc, Tập II –	Phạm Thị Hòa	NXB ĐHSP Hà Nội, 2005	100	PP tổ chức hoạt động Âm nhạc cho trẻ Mầm non	SS031	4	Tài liệu bắt buộc
78	Âm nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc 1	Nguyễn Hoàng Thông	NXB Hà Nội, 1996	100	PP tổ chức hoạt động Âm nhạc cho trẻ Mầm non	SS031	4	Tài liệu bắt buộc
79	Tạo hình và phương pháp tổ chức HĐTH	Lê Thanh Thủy	NXB ĐHSP, 2008	100	PP tổ chức hoạt động Tạo hình cho trẻ Mầm non	SS032	5	Tài liệu bắt buộc
80	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục Mầm Non - Nhà trẻ	Lê Thị Ánh Tuyết, Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương	NXB Giáo dục Việt Nam, 2014	100	PP tổ chức hoạt động Tạo hình cho trẻ Mầm non	SS032	5	
81	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục Mầm Non - Mẫu giáo bé	Lê Thị Ánh Tuyết, Trần Thị Ngọc	NXB Giáo dục Việt Nam, 2014	100	PP tổ chức hoạt động Tạo	SS032	5	

		Trâm, Lê Thu Hương			hình cho trẻ Mầm non			
82	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục Mầm Non-Mẫu giáo nhỏ	Lê Thị Ánh Tuyết, Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương	NXB Giáo dục Việt Nam, 2014	100	PP tổ chức hoạt động Tạo hình cho trẻ Mầm non	SS032	5	
83	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục Mầm Non-Mẫu giáo lớn	Lê Thị Ánh Tuyết, Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương	NXB Giáo dục Việt Nam, 2014	100	PP tổ chức hoạt động Tạo hình cho trẻ Mầm non	SS032	5	
84	Giáo trình Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học,	Hà Nguyễn Kim Giang	Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2016	100	PP cho trẻ Mầm non làm quen với tác phẩm văn học	SS033	4	Tài liệu bắt buộc
85	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Phạm Thị Việt	Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.	100	PP cho trẻ Mầm non làm quen với tác phẩm văn học	SS033	4	
86	Giáo trình Phương pháp đọc, kể diễn cảm thơ, truyện cho trẻ lứa tuổi mầm non	Lê Thị Ánh Tuyết, Lã Thị Bắc Lý	Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.	100	PP cho trẻ Mầm non làm quen với tác phẩm văn học	SS033	4	

87	Giáo trình phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non (giáo trình đào tạo Cử nhân Giáo dục Mầm non)	Đinh Hồng Thái	Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội, 2015	100	PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non	SS034	6	Giáo trình chính
88	Chương trình Giáo dục Mầm non	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2021	100	PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non	SS034	6	
89	Chương trình Giáo dục Mầm non	Bộ Giáo dục và Đào tạo	số 01/ VBHN – BGDDT, 2021	100	PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non	SS034	6	
90	Giáo trình Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	Nguyễn Thị Hòa	Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2019	100	PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non	SS034	6	
91	Tuyển tập thơ truyện, trò chơi, câu đố cho trẻ mầm non theo độ tuổi	Lê Thu Hương	Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2013	100	PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non	SS034	6	
92	Tiếng Việt và tiếng Việt thực hành,	Lã Thị Bắc Lý	Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2019	100	PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non	SS034	6	
93	<i>Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</i> (dành cho hệ Cao đẳng Sư phạm Mầm non)	Đinh Hồng Thái	Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2015.	100	PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non	SS034	6	



94	Giáo trình Lí luận và Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Đinh Thanh Tuyền, Lê Thị Hương	Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2019	100	PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non	SS034	6	
95	Giáo trình phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh	Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân	NXB Giáo dục, 2008	100	Phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh	SS035	6	Tài liệu bắt buộc
96	Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh.	Hoàng Thị Phương	NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2008	100	Phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh	SS035	6	Tài liệu bắt buộc
97	Giáo trình phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	Đặng Hồng Phương	NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2008	100	PP tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ Mầm non	SS036	4	Tài liệu bắt buộc
98	<i>“ Trò chơi vận động phát triển thể chất cho trẻ mầm non ”,</i>	Nguyễn Thái Hưng	Nhà xuất bản Giáo dục, 2020.	100	PP tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ Mầm non	SS036	4	Tài liệu tham khảo

99	Phương pháp hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non,	Đỗ Thị Minh Liên	NXB ĐH Sư phạm, 2011	100	PP cho trẻ Mầm non làm quen với các biểu tượng toán học	SS037	5	Giáo trình chính
100	Tổ chức hoạt động vui chơi	Đinh Văn Vang	NXBGD , 2012	100	Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ Mầm non	SS038	6	Giáo trình chính
100	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em, Làm đồ chơi Quyển 2	Đặng Hồng Nhật	NXB ĐHQG Hà Nội, 2008	100	Đồ dùng DH và đồ chơi cho trẻ mầm non	SS039	5	Tài liệu bắt buộc
101	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em- Hoạt động tạo hình, quyển 1,2	Lê Đình Bình	NXB ĐH QG Hà Nội, 2001	100	Đồ dùng DH và đồ chơi cho trẻ mầm non	SS039	5	Tài liệu bắt buộc
102	Giáo trình quản lý giáo dục mầm non,	Phạm Thị Châu	NXB Giáo dục, Hà Nội, 2012	50	Quản lý trong Giáo dục Mầm non	SS040	8	Giáo trình chính

103	Nghề giáo viên mầm non	Hồ Lam Hồng	NXB Giáo dục, 2009	100	Nghề Giáo viên Mầm non	SS041	7	Tài liệu bắt buộc
104	Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT –BGDDT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Giáo dục, 2009	100	Nghề Giáo viên Mầm non	SS041	7	Tài liệu bắt buộc
105	Điều lệ trường mầm non, (Ban hành kèm theo văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGDDT 13 tháng 2 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Bộ Giáo dục và Đào tạo		100	Nghề Giáo viên Mầm non	SS041	7	
106	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	Nguyễn Thị Thu Hiền	NXB Giáo dục, 2008	100	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục Mầm non	SS042	7	Tài liệu bắt buộc
107	Chương trình giáo dục mầm non (được sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo TT số 28/2016 – BGDDT ngày 30/12/2016)	Bộ giáo dục và đào tạo- vụ giáo dục mầm non	NXBGD Việt Nam, 2017	100	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình	SS042	7	Tài liệu bắt buộc

					Giáo dục Mầm non			
108	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non mẫu giáo bé.(3-4 tuổi)	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Ánh Tuyết	NXBGD Việt Nam, 2017	100	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục Mầm non	SS042	7	
109	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non mẫu giáo bé.(4-5 tuổi)	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Ánh Tuyết	NXBGD Việt Nam, 2017	100	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục Mầm non	SS042	7	
110	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non mẫu giáo bé.(5-6 tuổi)	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Ánh Tuyết	NXBGD Việt Nam, 2017	100	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục Mầm non	SS042	7	
111	Dự án SRPP "Tiêu chí áp dụng quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong trường mầm non"	Bộ GD&ĐT, 2016		50	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục Mầm non	SS042	7	
112	Chương trình giáo dục mầm non	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Giáo dục Việt Nam, 2009	100	Rèn luyện NVSP	SS045	7	Sách, giáo

								trình chính
113	<a href="http://mamnon.com">http://mamnon.com</a>				Rèn luyện NVSP	SS045	7	
114	Chương trình giáo dục mầm non (ban hành theo thông tư 01 VBHN- BGD và ĐT ngày 13.4.2021)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021	100	Thực hành SP 1	SS046	4	
115	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN nhà trẻ 3 – 36 tháng tuổi	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thị Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	NXBGD, 2017	100	Thực hành SP 1	SS046	4	
116	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN mẫu giáo 3 - 4 tuổi	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thị Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	NXBGD, 2017	100	Thực hành SP 1	SS046	4	
117	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN mẫu giáo 4- 5 tuổi	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thị Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	NXBGD, 2017	100	Thực hành SP 1	SS046	4	
118	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN mẫu giáo 5 - 6 tuổi	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thị Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	NXBGD, 2017	100	Thực hành SP 1	SS046	4	

119	Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề các độ tuổi	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXBGD, 2017	100	Thực hành SP 1	SS046	4	
120	Chương trình giáo dục mầm non (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT ngày 13.4.2021)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021	100	Thực hành SP 2	SS047	5	
121	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN nhà trẻ 3 – 36 tháng tuổi, NXBGD	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thị Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	NXBGD, 2017	100	Thực hành SP 2	SS047	5	
122	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN mẫu giáo 3 - 4 tuổi	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thị Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	NXBGD, 2017	100	Thực hành SP 2	SS047	5	
123	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN mẫu giáo 4- 5 tuổi	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thị Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	NXBGD, 2017	100	Thực hành SP 2	SS047	5	
124	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN mẫu giáo 5 - 6 tuổi	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thị Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	NXBGD, 2017	100	Thực hành SP 2	SS047	5	

125	Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề các độ tuổi	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXBGD, 2017	100	Thực hành SP2	SS047	5	
126	Chương trình giáo dục mầm non (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT ngày 13.4.2021).	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021	100	Thực hành SP3	SS048	6	
127	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN nhà trẻ 3 – 36 tháng tuổi	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thị Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	NXBGD, 2017	100	Thực hành SP3	SS048	6	
128	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN mẫu giáo 3 - 4 tuổi	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thị Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	NXBGD, 2017	100	Thực hành SP3	SS048	6	
129	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN mẫu giáo 4- 5 tuổi	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thị Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	NXBGD, 2017	100	Thực hành SP3	SS048	6	
130	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN mẫu giáo 5 - 6 tuổi	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thị Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	NXBGD, 2017	100	Thực hành SP3	SS048	6	

131	Tuyển chọn trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố theo chủ đề các độ tuổi	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXBGD, 2017	100	Thực hành SP3	SS048	6	
132	Các hoạt động giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	Lương Thị Bình, Phan Lan Anh	Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2020	100	Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng XH cho trẻ MN	SS044.1	7	Giáo trình
133	Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên,	Hoàng Đức Minh, Nguyễn Thị Mỹ Trinh	Nxb Giáo dục Việt Nam, 2020	50	Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng XH cho trẻ MN	SS044.1	7	Giáo trình
134	Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non Số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021	Bộ Giáo dục & Đào tạo	2021	50	Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng XH cho trẻ MN	SS044.1	7	
135	Giáo trình Tâm lý học đại cương	Nguyễn Xuân Thúc, Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Văn Thạc	Nxb Đại học Sư phạm, 2017	50	Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng XH cho trẻ MN	SS044.1	7	



136	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN nhà trẻ 3-36 tháng tuổi	Trần Thị Ngọc Trâm	Nxb. Giáo dục, 2017	100	Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng XH cho trẻ MN	SS044.1	7	
137	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 3-4 tuổi	Trần Thị Ngọc Trâm	Nxb Giáo dục, 2017	100	Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng XH cho trẻ MN	SS044.1	7	
138	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 4-5 tuổi	Trần Thị Ngọc Trâm	Nxb Giáo dục, 2017	100	Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng XH cho trẻ MN	SS044.1	7	
139	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình GDMN 5 - 6 tuổi	Trần Thị Ngọc Trâm	Nxb Giáo dục, 2017	100	Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng XH cho trẻ MN	SS044.1	7	
140	Đánh giá trong giáo dục mầm non	Đinh Thị Kim Thoa Đinh Thị Kim Thoa	NXB Giáo dục, 2009	50	Đánh giá trong GDMN	SS044.2	7	Tài liệu bắt buộc

141	Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT –BGDDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Giáo dục, 2009	50	Đánh giá trong GDMN	SS044.2	7	Tài liệu bắt buộc
142	Điều lệ trường mầm non, (Ban hành kèm theo văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGDDĐT 13 tháng 2 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Bộ giáo dục và đào tạo		50	Đánh giá trong GDMN	SS044.2	7	
143	Giáo dục hòa nhập	Nguyễn Xuân Hải, Lê Thị Thúy Hằng, Trần Thị Thiệp	NXB Giáo dục, 2008	100	Giáo dục hòa nhập	SS044.3	7	Tài liệu bắt buộc
144	Những điều cần biết về quyền trẻ em	Vũ Ngọc Bình	NXB Giáo dục, 2010	100	Giáo dục hòa nhập	SS044.3	7	Tài liệu bắt buộc

145	Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non.	Lã thị Bắc lý, Bùi Thị Lâm, Hoàng Thị Nho	NXB Đại học Sư Phạm Hà Nội, 2016	100	Giáo dục hòa nhập	SS044.3	7	
146	Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ mầm non	PGS. TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, TS Đinh Thị Kim Thoa, Ths Phan Thị Thảo Hương	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2010	100	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ MN	SS044.4	7	
147	Chương trình giáo dục Mầm non ban hành theo thông tư 28, ngày 30/12/2016	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Giáo dục Việt Nam	100	Thực tập Sư phạm 1	SS049	6	Sách, giáo trình chính
148	Giáo dục học mầm non 2	Trần Thị Minh Huệ	NXB Đại học Thái Nguyên, 2016	100	Thực tập Sư phạm 1	SS049	6	Sách, giáo trình chính
149	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non nhà trẻ (3 - 36 tháng tuổi)	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011	100	Thực tập Sư phạm 1	SS049	6	
150	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi)	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011	100	Thực tập Sư phạm 1	SS049	6	

151	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi)	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011	100	Thực tập Sư phạm 1	SS049	6	
152	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi)	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011	100	Thực tập Sư phạm 1	SS049	6	
153	Chương trình giáo dục Mầm non ban hành theo thông tư 28, ngày 30/12/2016	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Giáo dục Việt Nam	100	Thực tập Sư phạm 2	SS050	8	Sách, giáo trình chính
154	Giáo dục học mầm non 2	Trần Thị Minh Huệ	NXB Đại học Thái Nguyên, 2016	100	Thực tập Sư phạm 2	SS050	8	Sách, giáo trình chính
155	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non nhà trẻ (3 - 36 tháng tuổi)	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011	100	Thực tập Sư phạm 2	SS050	8	
156	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi)	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011	100	Thực tập Sư phạm 2	SS050	8	

157	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi)	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	Nxb Giáo dục Việt Nam, 2012	100	Thực tập Sư phạm 2	SS050	8	
158	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi)	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011	100	Thực tập Sư phạm 2	SS050	8	
159	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường Mầm non,	Hoàng Thị Phương	NXB Đại học Sư phạm, 2018	100	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non	SS051B.1	8	Giáo trình chính
160	Chương trình giáo dục mầm non (ban hành theo thông tư 01 VBHN-BGD và ĐT ngày 13.4.2021).	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021	50	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non	SS051B.1	8	
161	Hoạt động trải nghiệm - Sách dùng cho giáo viên lớp 1	Nguyễn Đức Quang	NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, 2020	100	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non	SS051B.1	8	

162	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	Nguyễn Thị Hòa	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội 2010	100	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non	SS051B.1	8	
163	Tổ chức các hoạt động lễ hội ở trường mầm non	Hoàng Công Dụng	NXB Giáo dục Việt Nam	100	Dàn dựng chương trình văn nghệ cho trẻ Mầm non	SS051B.2	8	Giáo trình chính
164	Kịch bản lễ hội ở trường mầm non.	Hoàng Văn Yên	Nhà xuất bản Giáo dục, 1997	100	Dàn dựng chương trình văn nghệ cho trẻ Mầm non	SS051B.2	8	Giáo trình chính
165	Âm nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc (Tập 2)	Ngô Thị Nam	Trung tâm nghiên cứu đào tạo bồi dưỡng giáo viên, Hà Nội, 1994	100	Dàn dựng chương trình văn nghệ cho trẻ Mầm non	SS051B.2	8	Giáo trình chính
166	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non.	Nguyễn Thị Hòa	Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, 2019	100	Giáo dục tích hợp ở bậc học Mầm non	SS051B.3	8	Giáo trình chính
167	Chương trình giáo dục Mầm non (ban hành theo Thông tư 01/VBHN-GDDT ngày 13/4/2021)	Bộ GD&ĐT	2021	100	Giáo dục tích hợp ở bậc học Mầm non	SS051B.3	8	

168	Hướng dẫn xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục trong theo chủ đề (trẻ 24-36 tháng)- theo chương trình giáo dục mầm non mới	Trần Thị Ngọc Trâm	Nxb Giáo dục Việt Nam, 2017	100	Giáo dục tích hợp ở bậc học Mầm non	SS051B.3	8	
169	Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trẻ (3-36 tháng)	Trần Thị Ngọc Trâm, TS. Lê Thu Hương, PGS.TS. Lê Thị Ánh Tuyết	Nxb Giáo dục Việt Nam, 2017	100	Giáo dục tích hợp ở bậc học Mầm non	SS051B.3	8	
170	Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ từ 6 đến 24 tháng tuổi,	Phan Thị Thuận Nhi – Nguyễn Thanh Huyền - Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nxb Giáo dục Việt Nam, 2018	100	Giáo dục tích hợp ở bậc học Mầm non	SS051B.3	8	Tài liệu tham khảo
171	<i>Hướng dẫn xây dựng và thực hiện các loại kế hoạch giáo dục ở trường mầm non</i>	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Vũ Thị Yến Nhi (CB), Phạm Thị Oanh, Trương Thị Hồng Diệp, Dương Thị Yến, Nguyễn Thu Loan, Nguyễn Phương Bình, Nghiêm Thị Thùy Dương.	Nhà xuất bản Lao động, 2023	100	Các học phần chuyên ngành		3.4.5.6.7	Tài liệu tham khảo
172	<i>Biện pháp phát huy tính tích cực nhận thức của sinh viên trong dạy</i>	Tạ Thúy Ngân	NXB Lao động, 2020	100	Các môn lý luận chính trị		1,2,3,4	Tài liệu

	<i>học môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin</i>							tham khảo
173	<i>Hướng dẫn nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Máclênin,</i>	Nguyễn Thị Thu Hà	NXB Đại học Huế, 2023.	100	Các môn lý luận chính trị		1,2,3,4	Tài liệu tham khảo
174	<i>Hướng dẫn tự học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	Nguyễn Thị Lại	Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2016.	100	Tư tưởng Hồ Chí Minh	SS004	4	Tài liệu tham khảo
175	<i>Lý luận và thực trạng việc xây dựng, sử dụng bài tập trong dạy học Giáo dục học theo hướng phát triển năng lực dạy học cho sinh viên Cao đẳng Sư phạm</i>	Nguyễn Thị Tím Huế	NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ, 2020	100	Giáo dục học	SS018	2	Tài liệu tham khảo
176	<i>Tin học cơ sở</i>	Phạm Thị Loan, Nguyễn Thị Thanh Tâm, Nguyễn Thị Loan.	Nxb Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 2020	100	Tin học đại cương	IT014	1	Tài liệu tham khảo



**Mẫu 8.1: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở**

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kì, năm học)	Số người học/ máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, kí hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Máy tính Mạng internet	Đông Nam Á	50	Khoa Giáo dục Mầm Non	Tin học đại cương	Kì 1, năm thứ nhất	01	
2	Máy tính Tai nghe	Đông Nam Á	50	Khoa Giáo dục Mầm Non	Tiếng Anh 1	Kì 1, năm thứ nhất	01	

	Mạng internet							
3	Máy tính Tai nghe Mạng internet	Đông Nam Á	50	Khoa Giáo dục Mầm Non	Tiếng Anh 2	Kì 2, năm thứ nhất	01	

**Mẫu 8.2: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành GDMN.**

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Bộ tranh minh họa thơ, truyện các độ tuổi	Đông Nam Á	50	Bộ (5 bộ/1 độ tuổi)	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	Kỳ 4		
2	Khung rối	Đông Nam Á	10	Cái				
3	Rối (rối bóng, rối dẹt, rối tay...)	Đông Nam Á	50	Bộ (5 bộ/1 độ tuổi)				
4	Sa bàn	Đông Nam Á	50	Bộ				

5	Bộ đồ dùng giúp trẻ 3 - 4 tuổi làm quen với toán (Dành cho GV)	Đông Nam Á	50	Bộ	Toán và PP tổ chức hoạt động cho trẻ MN làm quen với toán	Kỳ 3		
6	Bộ đồ dùng giúp trẻ 4 - 5 làm quen với toán (Dành cho giáo viên)	Đông Nam Á	50	Bộ				
7	Bộ đồ dùng giúp trẻ 5 - 6 làm quen với toán (Dành cho giáo viên)	Đông Nam Á	50	Bộ				
8	Bộ đồ dùng giúp trẻ làm quen với toán (Dành cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi)	Đông Nam Á	50	Bộ				
9	Bộ đồ dùng giúp trẻ nhận biết và làm quen với toán (3 - 4 tuổi)	Đông Nam Á	50	Bộ				
10	Bộ đồ dùng giúp trẻ nhận biết và làm quen với toán (4 - 5 tuổi)	Đông Nam Á	50	Bộ				
11	Bộ đồ dùng giúp trẻ nhận biết và làm quen với toán (5 - 6 tuổi)	Đông Nam Á	50	Bộ				

12	Bộ thẻ chữ số (hỗ trợ hoạt động bé làm quen với toán)	Đông Nam Á	50	Bộ				
13	Bộ đồ dùng luyện kỹ năng xếp tương ứng, so sánh, sắp xếp theo quy tắc (dành cho trẻ MG làm quen với toán)	Đông Nam Á	50	Bộ				
14	Bộ đồ dùng giúp trẻ chơi và tạo hình với chữ số (Dành cho trẻ mẫu giáo)	Đông Nam Á	50	Bộ				
15	Bộ tranh tích hợp chơi và nhận biết các chữ số	Đông Nam Á	50	Bộ				
16	Lô tô giúp bé làm quen với toán	Đông Nam Á	50	Bộ				
17	Lô tô nhận biết hình và số lượng	Đông Nam Á	50	Bộ				
18	Lô tô nhận biết và lắp ghép các khái niệm tương phản	Đông Nam Á	50	Bộ				
19	Bộ thẻ tranh giúp trẻ mẫu giáo khám phá khoa học	Đông Nam Á	50	Bộ	Phương pháp khám phá khoa	Kỳ 6		

20	Bộ tranh một số thí nghiệm giúp trẻ mẫu giáo khám phá khoa học	Đông Nam Á	50	Bộ	học về môi trường xung quanh			
21	Vòng thể dục to, nhỏ	Đông Nam Á	50	Cái	PP tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ MN	Kỳ 5		
22	Gậy thể dục to, nhỏ	Đông Nam Á	50	Cái				
23	Xắc xô	Đông Nam Á	50	Cái				
24	Bóng các loại	Đông Nam Á	50	Quả				
25	Cột ném bóng	Đông Nam Á	50	Cái				
26	Gương phòng múa	Đông Nam Á	6	Cái	Múa và PP dạy múa cho trẻ MN	Kỳ 2		
27	Thảm yoga	Đông Nam Á	80	Cái				
28	Quạt múa	Đông Nam Á	50	Cái				
29	Khăn múa (H'mông)	Đông Nam Á	80	Cái				
30	Dải lụa	Đông Nam Á	50	Cái				
31	Quạt lụa	Đông Nam Á	50	Cái				
32	Loa, Mic	Đông Nam Á	50	Cái				
33	Nón múa	Đông Nam Á	50	Cái				

34	Ô múa	Đông Nam Á	50	Cái				
35	Giá vẽ	Đông Nam Á	50	Cái	Mỹ thuật cơ bản	Kỳ 3		
36	Bảng vẽ	Đông Nam Á	50	Cái				
37	Bục để tượng	Đông Nam Á	50	Cái				
38	Đầu tượng	Đông Nam Á	50	Cái				
39	Tượng bán thân	Đông Nam Á	50	Cái				
40	Tủ gian trưng bày và lưu trữ sản phẩm mỹ thuật và đồ dùng đồ chơi	Đông Nam Á	10	Cái				
41	Màu vẽ Acrylic + bút lông	Đông Nam Á	50	Bộ				
42	Vở vẽ khổ A3	Đông Nam Á	100	Quyển				
43	Giấy vẽ A0	Đông Nam Á	1000	(Tờ rô ki đúc việt trì)				
44	Khăn mặt	Đông Nam Á	100	Cái				Kỳ 3
45	Chậu rửa mặt	Đông Nam Á	50	Cái				

46	Giá phơi khăn mặt	Đông Nam Á	50	Cái	Vệ sinh dinh dưỡng cho trẻ MN			
47	Ghế ngồi bệt, ghế tựa lưng	Đông Nam Á	50	Cái				
48	Bình đựng nước inox có vòi	Đông Nam Á	50	Cái				
49	Giá để bình đựng nước	Đông Nam Á	50	Cái				
50	Xô nhựa to	Đông Nam Á	50	Cái				
51	Khăn bông to	Đông Nam Á	50	Cái				
52	Thảm chùi chân	Đông Nam Á	50	Cái				
53	Nước rửa tay	Đông Nam Á	50	Chai				
54	Bộ lau nhà	Đông Nam Á	50	Bộ				
55	Chổi + Gầu hút	Đông Nam Á	50	Cái				
56	Khăn lau bàn	Đông Nam Á	50	Cái				
57	Bộ nồi nấu bếp từ	Đông Nam Á	10	Bộ				
58	Chảo chống dính	Đông Nam Á	10	Cái				
59	Bếp từ đơn	Đông Nam Á	10	Cái				
60	Máy xay sinh tố	Đông Nam Á	10	Cái				

61	Máy xay thịt	Đông Nam Á	10	Cái				
62	Máy vắt nước cam	Đông Nam Á	10	Cái				
63	Máy xay cua	Đông Nam Á	10	Cái				
64	Bộ dao	Đông Nam Á	10	Bộ				
65	Thớt gỗ, thớt nhựa	Đông Nam Á	10	Cái				
66	Bát, đĩa, đũa, muôi, thìa	Đông Nam Á	10	Bộ				
67	Tạp dề + Mũ	Đông Nam Á	10	Bộ				
68	Cân chia vạch, cân tiểu ly	Đông Nam Á	10	Cái				
69	Bộ dinh dưỡng 1,2,3,4	Đông Nam Á	50	Bộ	Phương pháp Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ MN	Kỳ 6		
70	Tháp dinh dưỡng	Đông Nam Á	50	Tờ				
71	Búp bê bé trai +bé gái	Đông Nam Á	50	Con				
72	Bộ đồ chơi nấu ăn	Đông Nam Á	50	Bộ				
73	Bộ dụng cụ bác sỹ	Đông Nam Á	50	Bộ				
74	Đồ chơi dụng cụ sửa chữa đồ dùng gia đình	Đông Nam Á	50	Bộ				
75	Bộ đồ chơi nhà bếp	Đông Nam Á	50	Bộ				



76	Bộ đồ dùng gia đình	Đông Nam Á	50	Bộ				
77	Bộ đồ chơi đồ dùng ăn uống	Đông Nam Á	50	Bộ				
78	Hàng rào lắp ghép lớn	Đông Nam Á	50	Túi				
79	Bút sáp màu	Đông Nam Á	50	Bộ				
80	Bộ xếp hình xây dựng	Đông Nam Á	50	Bộ				
81	Bộ lắp ghép	Đông Nam Á	50	Bộ				
82	Gạch xây dựng	Đông Nam Á	50	Thùng				
83	Đồ chơi các phương tiện GT	Đông Nam Á	50	Bộ				
84	Bộ động vật sống trong rừng	Đông Nam Á	50	Bộ				
85	Bộ động vật sống trong gia đình	Đông Nam Á	50	Bộ				
86	Đồ chơi dụng cụ chăm sóc cây	Đông Nam Á	50	Bộ				
87	Thảm xốp trải sàn	Đông Nam Á	50	Bịch				
88	Bộ đồ chơi rau củ quả	Đông Nam Á	50	Bộ				

89	Bộ dụng cụ lao động	Đông Nam Á	50	Bộ				
90	Bộ đồ chơi lắp ghép cây xanh	Đông Nam Á	50	Bộ				
91	Song loan	Đông Nam Á	60	Cái	PP Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ MN	Kỳ 4		
92	Trống	Đông Nam Á	60	Cái				
93	Phách tre	Đông Nam Á	60	Cái				
94	Bộ thẻ chữ cái nhỏ + bảng gài	Đông Nam Á	50	Bộ	PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN	Kỳ 5		
95	Tranh các chủ đề	Đông Nam Á	50	Bộ				
96	Các loại đồ chơi, thú bông	Đông Nam Á	50	Bộ				
97	Vở hướng dẫn trẻ tập tô ở trường Mầm non	Đông Nam Á	50	Quyển				
98	Đàn organ kèm bao đựng	Đông Nam Á	50	Cái	Âm nhạc +Đàn Organ	Kỳ 1 + Kỳ 3 + Kỳ 4		
99	Chân đế đàn	Đông Nam Á	50	Cái				
100	Đàn piano cơ	Đông Nam Á	2	Cái				

101	Loa thùng	Đông Nam Á	4	Cái				
102	Bộ âm ly	Đông Nam Á	2	Bộ				
103	Máy vi tính	Đông Nam Á	2	Bộ				
104	Máy chiếu	Đông Nam Á	2	Bộ				
105	Phòng đàn có rèm cửa+ cách âm		2	Phòng				
106	Phòng múa		2	Phòng	Múa và PP dạy múa cho trẻ MN	Kỳ 2		
107	Phòng thực hành dinh dưỡng		2	Phòng	Vệ sinh dinh dưỡng cho trẻ MN	Kỳ 3		
108	Phòng mỹ thuật		2	Phòng	Mỹ thuật cơ bản	Kỳ 3		
109	Phòng học tiếng		2	Phòng	Tiếng Anh chuyên ngành MN	Kỳ 3		
110	Phòng tin		2	Phòng				
111	Máy chiếu	Đông Nam Á	10	Bộ	Tin học ĐC	Kỳ 1		
112	Máy tính cây	Đông Nam Á	40	Bộ				

113	Máy in	Đông Nam Á	2	Bộ				
114	Loa máy tính	Đông Nam Á	2	Bộ				
115	Giá để đồ chơi và học liệu	Đông Nam Á	3	Giá				